

TRUNG BẠC CHU NHẬT



NGUYỄN-DOÀN-VƯƠNG
CHỦ-TRƯỞNG

CẢNH BAN ĐÊM Ở MIỀN CÁC NÓ DẦU MOSBOUL (IRAK)

Lửa bốc sáng một góc trời và vẽ ra một cảnh-tượng mà người
kể truyện «MỘT NGHĨN MỘT ĐÊM LỬ» chắc không nghĩ đến.

SỐ 62 — GIÁ: 0,16
25 M A I 1941

Cuộc chiến tranh ở Irak hay là cuộc từ chiến vì « vàng đen » ở xứ « một nghìn một đêm lè »

Hơn tuần lễ nay trong các bản thông-cáo của Bộ Tổng-tư-lệnh quân đội Anh ở miền Cận và Trung-đông thường thấy nhắc đến những chữ Bagdad, Bassorah, Kerkouk, Mossoul, là những tên mà ta thường thấy khi đọc các những chuyện « một nghìn một đêm » rất lý kỳ mà Suét-hérade đã kể cho vua Shariyar nghe, những chuyện đã làm cho bao nhiêu người phải say mê.

Bagdad, Bassorah theo sự tưởng tượng của nhiều người là những thành phố đầy thơ mộng và bí mật, đầy những cảnh đẹp như hoa, như gam chẳng khác gì trong những câu chuyện cổ tích « một nghìn một đêm ». Có ai ngờ những thành-phố đó ngày nay cũng phải làm mồi cho oom đen và xứ Irak cũng đã thành bãi chiến trường giữa quân Anh và quân xứ đó.

Cái tên Bagdad trong cuộc chiến-tranh trước ta đã thấy nói đến luôn và con đường xe lửa của người Đức dự định mở từ Bà-linh đến Bagdad là một trong những nguyên-nhân xung đột giữa người Anh và người Đức trong cuộc Án-chiến 1914-1918.

Con đường bộ sang Ấn-độ

Muốn bảo vệ con đường Viên đông và giữ vững Ấn-độ cũng thành-thế ở miền Ba-tư, Á-phù-hân thì các nơi các cư dân-quân ở rải rải từ Gibraltar đến Malle, Chypres, Aden, vịnh Ba-tư, Tân-gia-ba, Hương-cảng chưa thể gọi là đủ được và người Anh phải tìm cách kiểm soát cả những miền ở từ Ai-cập đến tận Ấn-độ gồm một phần lớn các nước ở Cận-đông và Trung-đông trước kia là đất của đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ bị đổ nát từ sau cuộc Án-chiến trước.

Trước 1914, xứ Irak ngày nay gồm cả miền thượng Mésopotamie gần các cao-nguyên Tiều-á-Tê-á và miền hạ Mésopotamie ở giữa hai con sông Tigre và Euphrate cho đến vịnh Ba-tư, cũng thuộc về đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ. Hồi đó chính-phủ Anh chỉ được phép ở Bagdad một viên vò quan làm công-sứ để giữ sự tự an và các

đường giao-thông của đế-quốc Anh và để trông nom việc nhập cảng các thứ vải ở Manchester và chè ở Ceylan vào xứ đó. Viên công-sứ đó thường chọn trong hàng các sĩ-quan trong quân đội Ấn-độ và lúc nào viên đó cũng vẫn hết sức đánh đố thế lực người Đức bởi đó rất mạnh ở miền này. Đại-biên nước Anh vẫn vận-dụng giao-thiệp với hơn 50 hạm thổ-dân; bọn thổ thường đi lại qua các hải sa mạc đem theo cả giống vật của họ, bọn thì ở nguyên một chỗ cây cối của khu giống giết được ở rải rác trong miền này. Người Anh đã gọi lòng ái-quốc của các dân bản xứ đó xui họ nổi lên chống lại với người Thổ. Đến khi cuộc chiến-tranh xảy ra, Thổ-nhĩ-kỳ là đồng-minh của phe Đức, Áo, nhưng Anh nhờ có các hạm thổ-dân trợ lực nên có thể chiếm Bassorah và Chottel Arab tức là con sông lớn chảy vào vịnh Ba-tư do hai con sông Tigre và Euphrate hợp lại và dẫn đến người Anh mới cũng có được địa vị của mình. Ngày 11 Mars 1917 thì quân Anh tiến vào được Bagdad ở giữa hai miền Mésopotamie và đến 8 November 1918 thì tiến đến Mossoul sau khi người Thổ đã ký hợp-uớc đình-chiến. Còn mạnh hơn quân-lực, bộ-co-tham Anh đã thắng được nước Thổ ở miền này. Ta có thể nói đại-tai Lawrence là kẻ đã có công nhất trong cuộc thắng-lợi của người Anh ở khắp miền Cận-đông.

Irak trở nên nước độc lập

Người Anh bên vận-dộng cho xứ Irak biệt lập hẳn nước Thổ thành một đất ủy-nhiệm giao cho người Anh quản trị. Nhưng lòng ái-quốc mà Lawrence đã lợi dụng để đánh đổ người Thổ sau lại xui bọn Thổ-dân quay lại phản người Anh. Cuộc nổi loạn vừa nhóm lên trong sa mạc đã lan ra khắp các hạm thổ dân do những vò quan bản xứ chỉ huy. Chính những bọn này trước kia giúp quân Anh nay lại giở giọng lại đánh người Anh và định chiếm lấy Bagdad. Nhưng bọn tư bản Anh thì vẫn giữ phần thắng lợi vì, không những họ được các dân bản xứ ủng hộ mà các bọn đại-địa-chủ và bọn trung-sản bản xứ giúp sức vì họ sợ rằng phong trào ái-quốc không khéo lại trở nên

một phong trào dân chủ để cướp lấy đất đai của họ như họ đã thấy xảy ra ở miền Transcaucasie đã đổi thành một tiểu liên-bang Xô viết Nga. Viên Toàn-quyền Anh là M. Percy Cox đã tỏ ra rất khôn khéo và lập nên một « chính-phủ quốc-gia », lập một nội-các toàn là người bản nhĩn và ngày từ 1921 đã nói đến việc lập ra một hình-phủ Irak độc lập đồng-minh của Emir, Feycal và bị đuổi ở Damas được tôn lên làm vua Irak từ ngày 13 Aout 1921. Anh lại sắp nhập vào xứ Irak miền Mossoul của Thổ là một miền có nhiều mỏ dầu hỏa và đến 1930 thì Anh thừa nhận cho Irak được độc lập hẳn do hợp-uớc 30 Juin 1930.

Theo hợp-uớc đó là một hợp-uớc đồng-minh thì hai chính-phủ Luân-đôn và Bagdad phải bồi ý kiến nhau về tất cả các vấn-đề ngoại-giao có liên-lạc đến quyền-lợi chung của cả hai nước, nếu một trong hai nước tham chiến thì nước kia phải giúp đỡ ngay. Quân Irak giữ bờ-cõi Irak, nhưng vì muốn giữ các đường giao-thông của đế-quốc Anh thì Irak nhượng cho Anh trong thời kỳ hai nước đồng minh những đất đai mà Anh có quyền sửa sang dùng làm nơi ăn cứ cho phi-quân Anh. Anh lại có quyền đóng quân ở một vài nơi trong xứ Irak.

Irak vào hội Quốc-lên từ 1932 nhưng thực ra thì vẫn là nước ở trong phạm vi hệ-lực của Anh và người Anh vẫn nắm giữ các phong trào chính-trị trong nước. Các cuộc nổi loạn ở Irak về hồi 1935 và 1936 vẫn có người Anh những tay vào.

Irak nơi trung tâm diềm các đường giao-thông quốc-tế

Sau ít lâu thì con đường xe lửa từ Bagdad sang Âu-châu đã hoàn thành và du khách có thể đi từ Smyrne hoặc từ Constant nople đến thẳng Bassorah ở trên vịnh Ba-tư là nơi vẫn có tàu Anh qua lại luôn.

Một đường ô-lô mở từ Beyrouth (Syrie) và một đường nữa từ Haiffa (Palestine) cả hai đều đến Bagdad. Thế là Bagdad chỉ cách Địa-trung-hải có hai ngày đường bộ. Người Anh lại mở thêm một con đường quân sự từ Haiffa đến vịnh Ba-tư.

Các đường hàng không chính từ Âu-châu, sang Á-châu và Úc-châu của các nước đều bay qua Syrie và Irak và nhiều đường đều có đầu ở Bagdad. Các phi-cơ của các công ty hàng không các nước Anh, Đức, Pháp, Ý, Hà-lan đến đi qua Damas, Bagdad, Bassorah để sang Calcutta, Tân-gia-ba, Batavia, Saigon, Hương-cảng và xa hơn nữa. Tất cả các đường hàng không đó đều do phi-quân Anh kiểm soát và phi-quân Anh đóng đại bản doanh ở đảo Bahrein, gần đây có một phi-máy lớn hàng năm có thể lọc 500.000 tấn ô-tăng.

Irak với vấn đề vàng đen

Dầu hỏa hay là vàng đen là một phụ-nguyên rất dồi dào và vô tận của xứ Irak. Số dầu và các nước Âu-châu chủ ý đến Irak một phần lớn cũng vì các mỏ dầu hỏa ở Mossoul, những mỏ có nhiều dầu thứ ba trong thế-giới ngày nay. Trước cuộc Án-chiến 1914-18, Đức đã đề ý đến các mỏ dầu đó và đã xin



Cần dầu Kadinlan ở Irak mà trước đây lúc nào cũng có lính gác và bọn bán hàng ngồi đầy cả cửa

hai bên đường xe lửa Bagdad mới giải đất rộng 20 cây số. Sau những cuộc điều chỉnh khác mãi đến năm 1929, công ty « Irak Pétroleum » theo những cần cứ sau này :

23,75% số dầu xuất sản dành cho đội nhóm như : Anglo-Iranian Oil (nguyên Anglo Persan) Anglo-Saxon, Compagnie française de Pétroles, Standard Oil của nhóm Mỹ Rockefeller.

Các giếng dầu hỏa ở Kirkouk hàng năm xuất sản được hơn bốn triệu tấn nhưng số xuất sản đó còn có thể tăng lên hơn nhiều nữa các ống dẫn dầu có thể dẫn đi một số dầu nhiều hơn bây giờ. Hiện ống dẫn dầu lớn chia ra hai nhánh: một ngành đi đến Tripoli ở Synde một ngành đến Haiffa ở Palestine. Người ta còn dự định mở thêm một ống dẫn dầu nữa đi ngầm dưới đất từ các giếng dầu Kirkouk đến Haiffa. Các ống dẫn dầu hiện nay không những ít mà lại còn dễ bị chiếm hoặc bị phá và bọn người Ả-rập ở Palestine được người Đức và Ý ám trợ nên vẫn tìm cách phá ống dẫn dầu đó.

Irak là cái kho dầu hỏa ở Cận-đông của người Anh, tất cả quân đội Anh ở Trung-đông và Cận-đông đều lấy số dầu cần dùng ở Haiffa và cả hạm đội Anh ở Địa-trung-hải cũng phải lấy dầu ở hai cảng Haiffa. Vì thế dầu sao người Anh cũng không thể bỏ Irak được.

Từ khi chính phủ mới của Rachid Al Kyalani cướp quyền chính ở Irak thì người ta đã đoán kho lòng tranh khởi cuộc xung đột giữa Anh và Irak.

(xem tiếp theo trang 99)



BAGDAD: MỘT CÂY SÓ
Một cái nước cây số trên đường Bagdad con đường dài và bị một sang Ấn độ hàng ngày thì nông như thiên và bán được thì lạnh như thiên nông

Irak, một nước đã từng có một nền lịch sử văn minh rực rỡ về đời thượng cổ và nổi tiếng về những di tích của hai thành Babylone và Ninive

MIỀN ở Cận-dông phía Bắc vịnh Ba-tur, giữa hai con sông lớn Tigre và Euphrate mà ngày nay chúng ta gọi là Mésopotamie, hoặc Irak và hiện nay ngọn lửa chiến tranh vừa bùng nổ là một miền hàng mấy nghìn năm trước đã từng có một nền lịch sử và một nền mỹ thuật rất rực rỡ và về vang mãi đến nay các nhà khảo cổ vẫn chú ý đến một cách đặc biệt. Mésopotamie, tức Irak ngày nay là do hai nước Assyrie và Chaldée về đời thượng cổ hợp lại mà lập thành. Đó là một miền rất quan hệ trong lịch sử thế giới và xưa nay vẫn là con đường tự nhiên rất tiện lợi từ Đông sang Tây. Nền ở Ai-cập có sông Nil một con sông lớn nhất ở Phi-châu mà phù sa đã lập nên những đồng bằng rất phì nhiêu gây nên sự phì nhiêu thịnh của nước ở Ai-cập thì ở Irak cũng ở hai con sông Tigre và Euphrate đã nuôi sống dân hai nước rất cường thịnh về cổ thời là Assyrie và Chaldée hay là Babylone. Lịch sử hai con sông đó chảy song hành với nhau từ miền núi Taurus cho đến vịnh Ba-tur là lịch sử hai nước Assyrie và Chaldée.

Chính trên hai con sông đó ngày xưa các vua chúa của hai nước Assyrie và Babylone đã dựng nên những thành phố rất lớn lao, rực rỡ như Babylone Ninive và Bagdad mà ngày nay vẫn là một thị trấn rất nổi tiếng ở miền Cận-dông. Hai con sông này lúc mới ở miền phát nguyên chảy ra là những con sông lớn, chảy xiết qua những miền núi non trũng ngập và những di tích của các thành phố về cổ thời những phong cảnh rất nên thơ, nhưng đến lúc ra gần đến bờ biển thì chỉ còn là những dòng nước hẹp từ 75 đến 100 thước đầy những bãi lầy mà thuyền bè đi lại rất khó khăn. Đến Korna thì hai con sông Tigre và Euphrate hợp lại làm một gọi là Chat-el-Arab rộng độ 500 thước. Thành phố Bassora đã dựng trên dòng Chat-el-Arab.

Miền đồng bằng ở giữa hai con sông này từ xưa vẫn gọi là Mésopotamie (ngày nay người A-rập gọi là El Djéhréh nghĩa là hòn đảo) cái tên Mésopotamie chỉ là một tên về địa dư chứ không phải tên một nước nào cả.

Hai nước Assyrie và Chaldée

Từ đời thượng cổ, miền ở giữa sông Tigre và sông Euphrate vẫn chia làm hai nước mà diện-tích không đồng nhau nước Assyrie và nước Chaldée hay là Babylone. Assyrie hay là nước Assour ở miền bắc Mésopotamie gồm cả những đất đai ở tả ngạn sông Tigre giữa con sông đó và dãy núi Kurdistan. Kinh đô Assyrie là Ninive trên sông Tigre.

Nước Chaldée gồm miền nam Mésopotamie và đồng bằng miền Chat-el-Arab cho đến vịnh Ba-tur, thủ đô là Babylone trên bờ sông Euphrate. Hai con sông Tigre và Euphrate hàng năm cũng có mùa nước lớn tràn ngập hết đồng điền như sông Nil. Ở miền Mésopotamie khi hậu thay đổi cách nhau rất xa, mùa đông

thì rét quá đến nỗi các hồ ao đóng thành băng và giống lạc đã bị rét không sao đi được, còn mùa hè thì nhiệt độ từ 45 đến 50 độ, nhân dân ở Bagdad cứ mấy tháng mùa hè thì ngày phải trú ẩn trong hầm và chỉ đến đêm mới ra để hít thở khí mát ở đồng sông nổi lên. Cả miền này từ xưa là một miền rất phì nhiêu và xuất sản các thứ ngũ cốc như lúa mì, lúa mạch, kê, vừng, hàng năm mà màng rất tốt nhất là xứ Chaldée thì giống Ai-cập về sự phì nhiêu. Cây cọ mọc ở xứ đó thành từng rừng nhỏ và do ở quả người ta có thể làm bánh, mật, kẹo và rượu vang, hạt thì dùng làm than cho thợ rèn và dùng để nuôi bò và cừu. Nước Assyrie đất không tốt bằng và miền Bắc thì đầy những núi non gồ ghề, khô khan. Ở đất có nhiều thứ đá quý dùng để xây dựng. Miền Nam Assyrie nhiều nơi hoa mọc thành từng bụi rậm trông như những tấm thảm màu. Miền này đất tốt hơn giống xứ Chaldée, còn miền Bắc thì nhiều mưa hơn nên mùa hè hơi nóng và có những rừng cây như ở Ấn châu.

Một nền lịch sử rất về vang

Lịch sử xứ Assyrie cũng như lịch sử các dân tộc về cổ thời, lâu đầu toàn là những chuyện hoang đường. Trong những chuyện có một vài chuyện đáng chú ý. **Chuyện Nemrod.** — Chuyện này về thời kỳ mới có loài người. Nemrod là một nhà săn bắn giỏi tài về thời kỳ thượng cổ đó tất cả các miền trên thế giới đều đầy những rừng cây rậm rạp và các thú dữ. Cũng như Hercules trong lịch sử Hi-lạp, Nemrod chỉ chuyên việc giết các thú dữ để cho người ta có thể ở yên ổn trên đời. Trên những bề chim trổng của người Assyrie thường hình dung Nemrod là một lực sĩ cao lớn chỉ một tay có thể bóp chết một con sư tử chặt vào ngực.

Chuyện Ninus và Sémiramis. — Hai chuyện này về một thời kỳ gần đây hơn. Ninus là một nhà chinh phục chỉ thích nghe tiếng ồn ào ở bãi chiến trường. Từ miền sông Nil cho đến biên giới Ấn-độ và Trung-hoa, các nước đều phải phục dưới quyền Ninus. Nhưng danh vọng của Ninus bị tài của vợ là Sémiramis che lấp đi nhiều.

Ninus đã dựng nên thành Minive và vợ y là Sémiramis dựng nên thành Babylone. Bà vợ của Ninus đã xây dựng nên nhiều lâu đài nhà cửa muốn cho Babylone thành một thị trấn lớn nhất thế giới. Sau đó, bà Hoàng hậu này đem quân đi đánh các nước Médie, Ba-tur và Arménie. Bà sang cả Ai-cập, Ethiopie, Ấn-độ nhưng trước đoàn voi Ấn-độ thì bà phải lui quân. Sau các trận này bà về Babylone và không ra khỏi hành đô nữa. Cuối cùng trước khi chết, Hoàng hậu Sémiramis giao nước lại cho con gái là Ninys và đổi hình làm một con chim bồ câu rồi biến mất. Ngoài những chuyện hoang đường trên kia, điều chắc chắn về lịch sử và văn minh của xứ Assyrie và Chaldée mà trong sách kinh của đạo Do-tô vẫn gọi là xứ Sennar ngày trước có ba giống người đến ở: giống Touraniens, giống Kouschites và giống Sémites. Ba giống này sau hợp lại làm một, cùng nói một thứ tiếng không những trong xứ Chaldée mà cả trong xứ Assyrie.

Các thị trấn ở nước Chaldée

Lịch sử các dân tộc về đời thượng cổ ở miền Chaldée và Assyrie rất là mập mờ, khi thì độc lập khi thì ở dưới quyền vua nước Elam một nước phía đông sông Tigre và thủ đô là Suse.

Các nhà khảo cổ đã tìm ra được những thị trấn xưa toàn bằng gạch song như Oar (ngày nay là Mougheir) Ouroukh (ngày nay Warka) và thành lớn nhất là Babylone (ngày nay là Hillah). Hiện nay còn tìm thấy dấu tích các sông đã chảy dẫn nước ngày xưa cho những đất được tốt hơn. Hồi đó đã biết viết, biết dùng kim khâu và xây các lâu đài nhà cửa.

Các thị trấn ở nước Assyrie

Sau một thời kỳ độc lập khá lâu, nước Chaldée có hội thuộc quyền người Ai-cập cai trị (1600 trước Thiên chúa giáng sinh) rồi lại thuộc quyền người Assyriens, cũng một giống với người Chaldée nhưng cứng cỏi và thích chiến tranh hơn. Một thị trấn lớn của người Assyrie trên bờ sông Tigre là Assur hoặc El Assar (vì đó có tên Assyriens) về thượng lưu sông Tigre còn có một thị trấn lớn hơn là Ninive.

Các vua xứ Assyrie là những ông vua rất thích chiến tranh và luôn luôn đứng đầu các đại quân cầm đầu đi đánh nhau với các nước khác. Quân lính Assyrie đều

mặc áo giáp sắt đi rất nhanh và dõng như rất Vua chúa Assyrie chỉ thích sự ồn ào của chiến tranh, chỉ thích trong thấy sự lưu huyết và những cuộc chém giết, tàn phá.

Tất cả có nhiều đời vua ở Assyrie, nhưng các nhà khảo cổ chỉ biết rõ có ba đời.

Đế- quốc Assyrie thứ nhất hình như được hơn trăm năm từ 1120 đến 1020 trước Thiên-chúa giáng-sinh. Đế- quốc thứ hai từ năm 882 đến 857 trước Thiên-chúa giáng-sinh. Thời kỳ rực rỡ nhất và hiện nay còn tìm thấy nhiều di tích là thời kỳ đế- quốc thứ ba bắt đầu từ năm 721 trước Thiên-chúa giáng-sinh. Những ông vua danh tiếng đời này là vua Sargon đã khắc công việc mình làm trên tường lâu đài Khorsabad (721-704 trước T. C.) vua Sennachéride (680-660 trước T. C.) bị thua trận ở Ai-cập, vua Assar Maddon

(680-667) và vua Assur Banipai có lẽ là ông vua tàn ác nhất trong các vua nước Assyrie. Ông đã phá thành Babylone và các vương nước Chaldée nên phạm đến thần Assur đều bị cắt lưỡi, các quan liêu bị bắt đầu bị lột da sống. Muốn ghi những chiến công ghê gớm đó, vua Banipai bên ngồi trên xe bắt bốn vị vua nước Elam và một vị vua ở Ai-cập kéo. Kéo quá, vua người Médie Cyaxare thắng vua Assyrie và đến vây thành Ninive. Các thành trì đều bị nước lụt sông Tigre trôi mất nên quân địch tiến vào thành và đốt hết lâu đài nhà cửa. Thành Ninive từ đó bị đổ nát không bao giờ xây dựng lại nữa. Nước Ai-lô cuốn trôi những cái chưa bị đốt phá và cuối cùng gió trong bãi sa mạc đã phủ từng núi cát lên trên di tích thành Ninive và chỉ hai thế kỷ sau không

còn ai nhận được thành Ninive ở chỗ nào nữa. Từ đó nước Assyrie bị mất.

Đế- quốc Chaldée và vua Nabuchodonosor.

Kinh-thành Ninive bị tàn phá thì Nabopolassar cai trị ở Balyone, ông này giúp vua Cyaxare trong công cuộc tàn phá và vì đó mà được làm vua nước Chaldée. Con Nabopolassar là Nabuchodonosor là vị vua danh tiếng nhất dòng ở Kinh-thành Babylone. Trước hết giúp vua cha và từ 604 trước T. C. thì vua này lên trị vì và chiến công của vua này đã vang khắp miền tây



Một người lính Kules ở phía Bắc Irak gác trước một đầu là một miếu-gianh tranh giữa các nước từ xưa đến nay

A-châu. Người Hi-lạp lại tưởng tượng vua của Chaldees này đã thắng trận đến tận cột Héracle ở A-châu. Nhưng thực ra thì Nabuchodonosor không bao trông thấy núi Pyrénées và Đại-láy-đương và đế-quốc của vua này chỉ gồm cả miền nước Thổ ngày nay ở phía Nam núi Taurus. Tả đánh về vòng nhất là trận đánh người Do-hải. Chiến của này đã phá thành Jérusalem, đốt cả đền đài và bắt cả dân Do-thái về ở trên sông Euphrate trong 70 năm.

Sau Jérusalem đến lượt thành Tyr ở nước Phénicie chống cự trong 13 năm nhưng sau cùng cũng phải đầu hàng. Sau trận này vua Nabuchodonosor chăm nom việc làm cho thành Babytone thêm đẹp và xây dựng nhiều lâu đài bằng vôi ngày nay bị chôn lấp dưới đống cát trắng. Lúc già vì vua nổi nên điên và tưởng mình đổi hình dạng thành con bò.

Nhưng sau cơn điên đó lại tỉnh lại và trước khi chết Nabuchodonosor đoán trước đế-quốc Babytone sẽ mất và thành Babytone sẽ bị tàn phá.

Thành Babytone bị tàn phá.

Việc này xảy ra năm 538 trước T. C dưới đời vua Nabonid. Vua này bị vua Cyrus nước Ba-tư cầm tù trong một trận ở dưới chân thành Babytone.

Giữa lúc đó thì con vua Nabonid ở trong thành vẫn chơi các quần thần ăn chơi, chế chén rất vui vẻ. Baltasar, người con của Nabonid đem cả những báu vật và các vàng bạc của Nabuchodonosor đã lấy trước ở Jérusalem để dự tiệc với quần thần. Cuối cùng ông trong đêm đó thì Baltasar bị giết và quân Ba-tư qua sông Euphrate vào thành Babytone. Thành này ra rỗng nên quân của hai dân bị vây mà không quân viện k. ông biết. Tay vây Babytone vẫn không có người Ba-tư đổ phá và sau này vua Alexandre le Grand định lấy thành này nhưng làm thủ do cho đế quốc rộng lớn của mình. Nhưng vì Alexandre chết trước khi thực hành việc đó và sau vua Alexandre thì Babytone bị bỏ nên bị đổ nát dần dần. Hiện nay những di tích của thành Babytone còn chiếm nhiều dặm đất ở phía Nam Mesopotamie.

Quang cảnh thành Babytone và những vườn treo ở thành đó

Babytone là một thành rất rộng vì người Chaldeens cũng như người Ai-êp, chỉ muốn làm những công



KY-QUAN THẾ-GIỚI
Những « vườn treo » ở thành Babytone cổ thời, một trong bảy cái kỳ-quan trên thế-giới, nhưng hiện nay, chỉ còn lại một vài di-tích như ảnh trên đây

ruộc vĩ-đại. Babytone có hai thành, một thành bao bọc quanh hoàng-cung và ngoại thành thì bao bọc cả thành phố. Ngoài thành dày 25 thước và cao đến 85 thước, có 100 cửa và 250 cái tháp lớn, ngoài lại có hào rộng và sâu thẳm nước ở sông Euphrate vào. Phía trong thành lại có một đường vòng rộng 60 thước và trong thành có 50 đường phố chính, 25 đường đi song hành với dòng sông Euphrate chỉ 25 phút nữa thì đi dọc chia thành phố thành những khu vương như một thành phố ở Mỹ ngày nay.

Hoàng-cung ở ngay trên tả ngạn sông Euphrate là một tòa lâu đài rộng lớn hiện di tích ở khắp một vùng 14 hectares. Trong nội-thành có một tháp có nhiều tầng rất vĩ-đại. Trên bửa « ngạn sông Euphrate có đền Bel ở giữa đền cũng có tháp vương làm tầng lát toàn gạch men mỗi tầng một màu gạch khác nhau.

Trong tất cả các công cuộc của Nabuchodonosor làm ở Babytone nổi tiếng nhất là các

vườn treo hiện nay là một kỳ quan trên thế-giới. Vườn treo là những tầng đất đắp chồng lên nhau, tầng trên nào cũng giống cây cối và hoa quả rất đẹp, có những đài nước lên cao tưới nước cho cây cối luôn.

Di tích vườn này hiện nay vẫn còn, những vườn đó cao độ 30 thước.

Văn minh của dân Assyrie và Chaldees

Hai dân tộc văn minh rất sớm theo các nhà khảo cổ thì về đời thượng cổ các dân tộc này đã có văn tự, mỹ thuật biết dùng các đồ kim khí, đồ gỗ, biết thư-viện bằng các viết chữ lên gạch nung và biết cả toán pháp và xem thiên-văn. Chính người Chaldeens đã biết xem những vụ nguyệt thực từ năm 721 trước Thiên chúa và người Hi-lạp đã theo bảng chữ chương của người Chaldeens để dùng trong các phép tính. Ảnh hưởng của nền văn-minh Assyrie và Chaldees đến nền văn minh ngày nay rất lớn. Chính người đời nay đã học theo người Chaldeens cách tính giờ, chia giờ làm phút và giây, biết chia vòng tròn làm 360 độ và mỗi chu nhật làm 7 ngày một ngày 24 giờ. Người Chaldeens lại để lại cho ta cách dùng tiền và các lái buôn ở Ninive và Babytone ngày xưa đã biết dùng những

(xem tiếp trang 33)

CÁC TÍCH HƯỞNG CHU

THỦY CUNG CÔNG CHÚA

Tập chuyện « Thiên Phương dạ đàm » (Mille et une nuits) là một tập chuyện rất hay của Ai-êp, gốc tích từ nước Ba-Tư, dịch ra Pháp văn từ năm 1704.

Tác-giả tập này là Hoàng-Hậu Schéhérazade theo lời yêu cầu của em gái là Công-chúa Dinarzade mỗi buổi sáng kể một chuyện có-tích cho em nghe. Kể luôn như vậy, mà hơn một ngàn ngày (tức là 3 năm) mới hết chuyện.

Những chuyện này vừa vui, vừa nên thơ lại vừa là được những tình hình phong-tục miền Đông tức là miền chịu văn-minh Ai-êp.

Vi tập « Thiên Phương dạ đàm » ở phương Tây được coi là một tập chuyện kiệt-lai, cũng như tập « Tam quốc chí » ở phương Đông. Chuyện « Thủy cung công-chúa » dịch bằng chữ đây là một chuyện trích trong tập đó.

DỊCH GIẢ

Sau bao chiến-công oanh-liệt thiên-hạ lại thái-bình, trăm họ Âu ca cổ vũ. Sông vua nước Ba-Tư ngày đêm vẫn trú ngụ vương-viễn. Phiến vị chưa có hoàng-nam, để sau kế truyền con gái.

Theo lệ thường quốc-vương vẫn cùng triều thần văn võ bá-quan tiếp-kiến các sứ-thần và các danh-nhân ngoại-quốc vào triều bề-kiến. Một hôm, có một người lái buôn ngoại-quốc xin vào yết kiến, nói rõ việc cơ-mật muốn tâu trình quốc-vương.

Sau buổi chiều, quốc-vương đòi người lái buôn vào cung, phán hỏi.

— Người lái buôn tâu :

— Muôn tâu Bệ-hạ, hạ-thần có đem theo đến quí-quốc, một người nữ-tử nhan sắc tuyệt-thế, có lẽ thiên-hạ vô song, nhan sắc ấy nên trình qua ngự-lâm, chắc Bệ-hạ phải hạ lệnh đem tiến vào cung.

Quốc-vương liền hạ lệnh đem người nữ-tử ấy vào Triều. Thật là

một tay tuyệt-thế giai-nhân, một nhan sắc lộng-lẫy, sắc lạn, khiến uất rờn hơn-hở, nhà vua say mê và nhất quyết lấy luôn làm vợ.

Người lái buôn được nhà vua ban thưởng rất nhiều vàng ngọc.

Sau lễ cưới linh đình, đức Vua truyền thị-nữ đến một căn phòng cực kỳ sang trọng và may những y-phục cực-kỳ đắt tiền cho bà Tân-phối. Ngai truyền đem đến rất nhiều những chuỗi ngọc, những kim-cương, những bảo thạch quí giá nhất để bà Tân-phối lựa chọn những thứ nào vừa ý và ăn nhạp với y-phục của bà. Ngai Ngự để bà sống tự-do với bọn thị-nữ trong ba ngày, không hỏi tới, cốt cho bà phi mới quen cái cảnh trong cung. Đức vua kính-nể bà lắm, không hề nói thẳng vói bà.

Cung-diện của vua Ba-Tư xây trên một hòn đảo, và ngự-lâm trong ra ngoài biển. Cung bà phi mới cũng vậy, ở liền ngay hoàng-cung. Sông bể thường ngày đến vô vàn chân tường.

Nom địa ra rươi

Tự vị Barbier dịch jupe là quần đàn-bà, grafic con kia có chân cao cổ. Đào-dư-Anh dịch oreles étouppées là tai dĩa bông, étouper là xam nhem bằng xo gai v.v. mà ta thì quen nói: cái váy; hươu cao cổ; tai đứt nút bông; xam, trét, (thuyền). Muốn tránh những cái lầm quai gở đó, nên xem : Dictionnaire français-annamite par Lê - công - Đắc (2\$00) và (2\$50). Đã được Cha Velly, cụ thượng Phạm-Quỳnh, quan Công-sứ Jeannin khen. Bộ giáo-dục mua 40 cuốn.

HỎI

LÊ-CÔNG-ĐẮC

16 ter, Sinh-từ Hà-nội.

Các nhiệm đại lý ở các tỉnh

Ba ngày sau, lúc giai-nhân ăn bèn điêm-trang lịch-vợ, một mình trong phòng, đang ý của sở nhin ra biển, thì đức Vua ngự tới thăm, sau khi đã xin phép người đẹp. Quay đầu lại nhìn, biết là nhà vua. nét mặt giai-nhân vẫn thần-nhiên chẳng hề tỏ vẻ kinh-ngạc; nàng cũng chẳng dấy ngại ghê, giãi. Nàng cứ quay nhìn ra bể, như phía sau không có ai, hay nhà vua không đáng cho nàng chú ý.

Nhà vua rất lấy làm lạ rằng một người đẹp và sang như vậy lại không hiểu lễ phép là gì. Ngai nghĩ thầm chắc đó là do sự thiếu giáo-dục. Ngai muốn làm gương cho nàng, liền tiến lại gần, nhẹ-nàng cầm tay nàng hôn và nói bằng giọng ngọt dịu, khoan-hỗn và lịch-sự nhất. Nàng không cự tuyệt, nhưng không nói gì và vẫn không tỏ ra chú ý đến nhà vua hơn trước.

Nhà vua nói :
Trái tim quí hóa của ta ơi, mình không đáp lời ta và không cho ta cái hôn-ban được mình chú ý tới sự im lặng của mình làm cho lòng ta già lạnh, ít nhất mình cũng cho ta biết duyên cớ vì đâu. Mình nhớ nước, nhớ cha mẹ bạn bè chẳng? Nếu vậy, một ông vua yêu quí mình như ta yêu quí mình liệu có thể ăn ít mình chẳng?

Mặc cho nhà vua truyền nhân, quốc-trách, nàng vẫn lặng im như trước, chẳng nói bằng răng. Đến bữa cơm, nàng và vua ngồi ăn cùng bàn, nhưng đôi bên vẫn im lặng. Nhà vua ngạc-nhiên thấy một người con gái, một người nữ-tử được tiến lên làm Vương-Phi mà không biết lấy làm sung-sướng, nên sau cũng không muốn nói năng gì.

Tan tiệc, nhà vua đòi bọn thị-nữ lại phán hỏi xem người đẹp có nói gì với họ không.

— Một thị-nữ tâu :

Tâu Bệ-hạ, chúng con không thấy lén lút hề nói một lời nào



Chúng con hầu - hạ lệnh bà mọi việc. Chắt tóc, đội mũ, mặc áo cho lệnh bà. Chúng con thường hỏi: « Lệnh bà có cần gì không? Lệnh bà muốn gì không? Xin lệnh bà nói đi, lệnh bà truyền phán đi ». Nhưng lệnh bà không hề thốt ra một tiếng. Chúng con không hiểu lệnh bà khinh bỉ, buồn rầu hay ngờ-nghĩ. Hay là lệnh bà căm? Chúng con không thể nào biết được gì thêm nữa ».

Nhà vua nghe nói càng lấy làm lạ thêm. Tưởng rằng giai-nhân buồn bã, nhà vua tìm hết cách làm cho giai-nhân khuây-khỏa nỗi lòng. Nhưng đều vô ích.

Đã một năm trời như vậy. Một ngày kia, khắp cả kinh-thành mừng rỡ: bà vương-phi im lặng mới sinh hạ được một hoàng nam.

Nhà vua đặt tên hoàng tử là Ba-Đa. Sang sáng, một lần nữa nhà vua thử tâm cho vương-phi phải nói:

— Quý phi ơi! Trẫm không thể đoán lòng quý-phi nghĩ ngợi thế nào. Nhưng trẫm sẽ sung-sướng

nhất đời nếu được quý-phi ban cho một lời vàng ngọc. Trẫm cảm thấy rằng quý-phi không phải là người căm. Xin quý-phi hãy phàn nàn sự im lặng; trẫm van quý-phi nói ban cho trẫm sự vui sướng đó, rồi sau có phải chết, trẫm cũng vui lòng ».

Mọi lần, vương-phi chỉ cúi mặt lặng im. Lần này nghe nhà vua nói, vương-phi khẽ hé một nụ cười trên môi.

Thấy vậy, nhà vua vui sướng vô cùng, buột miệng reo lên một tiếng, rồi nín thở, đợi vương-phi nói:

Lần thứ nhất, vương-phi ngừng đầu lên, gặp cặp mắt nhà vua đang âu yếm nhìn mình. Nàng mỉm một nụ cười tình tươi như đoá hồng mới nở. Đoạn nàng thỏ-hề giọng oanh vàng:

— Muốn tâu Bệ-Hạ, thần thiếp muốn tâu Bệ-Hạ nh ều điều quá, đến nỗi không biết nên tâu điều gì trước. Song thần thiếp tưởng rằng phận sự thứ nhất của thần thiếp là cảm ơn chúa thượng đã ban tr cho thần-thiếp đủ các hạnh-phúc, và cầu trời cho chúa thượng trị vì ngôi báu muôn năm. Thần-thiếp phải nói thêm rằng, xin Chúa thượng đại xá cho lời nói thật tình,

nếu không cùng chúa thượng sinh con, thì thần thiếp nhất quyết không bao giờ thương yêu chúa thượng và nhất quyết suốt đời ngậm miệng giả cam.

Nhưng nay đôi ta đã có con với nhau, thần - thiếp xin kính - yêu chúa-thượng như yêu người chồng yêu-giêu.

Vua Ba-Tư nghe người đẹp nói như thế sung-sướng như không được vàng, chèo tay ôm nhào mà hôn rồi nói:

— Ánh sáng của mắt ta ơi! Ta không còn gì sung-sướng bằng được người soi rọi tới! Minh đã cho ta một đứa con trai, mình lại cho ta nghe tiếng nói: đó là hai điều hạnh-phúc mà ta so-ước hay lâu nay ».

Vui-sướng quá chừng nhà vua chỉ nói được bấy nhiêu lời, rồi khi về Hoàng-cung, ra lệnh cho Thần-Tướng đem tiền phát chẩn cho các nhà thương và các nhà giảng đạo làm phúc cho kẻ khó. Đó là một cách đức vua cảm-tạ ơn trời...

Đoạn ngài trở lại phủ vương-phi ngồi bên nàng, yên-cả nâng chén biết vì lẽ gì suốt một năm trường khi ăn ở lúc đứng nói cùng với quốc-vương nâng ngậm miệng.

Vương-phi tâu:

— Thần-thiếp sẽ tâu bày mọi lẽ để Bệ-Hạ. Bệ-Hạ hãy tưởng-tượng sự ghê sợ của một người dâm-bà qui-tộc khi bị bán làm tôi-dôi xa nhà xa nước, xa mẹ, xa anh em chị em chúng bạn, không còn hy-vọng trừng-phóng. Lòng yên nước cũng nặng như đá nhờ nhà và mất tự do là một sự khó - chịu, chỉ người không có lương-trí mới không biết giá-trị của sự tự do. Những lẽ ấy đã đủ cho Bệ-Hạ hiểu sự nguy-miễn của thần-thiếp mà Bệ-Hạ cho là kỳ-quặc chưa?

Quốc-vương trầm-ngâm một lát:

— Bửu rồi, ái-khanh á. Trẫm tin lời ái-khanh. Song trẫm vẫn tưởng rằng ái-khanh như ái-khanh rồi bị làm vào cảnh tở-dôi, hẳn có thể lấy làm bực-bực khi được cảnh và cũng một bực vasa-chúa!

— Muốn tâu Hoàng-huynh, thần-thiếp là người dòng-dôi ti-hạ, thì thần-thiếp tưởng rằng đã phải xa nhà xa nước, mà được hầu hạ bên cạnh cùng một bực quân

vương, ti-thiếp cũng lấy làm tam sinh hữu hạnh. Nhưng nếu kẻ ti-thiếp ấy cũng là cảnh vàng lá ngọc, dòng-dôi tở - qui chẳng kém gì nhà vua, thì tâu Hoàng-thượng, Hoàng-có thể tưởng-tượng được sự đau buồn, sự khốn-khở và mối thất-vọng của kẻ ti-thiếp ấy, khi phải hạ mình xuống làm tôi mọi ở chỗ xa nước, xa nhà.

Kính-ngạc, nhà vua phán hỏi:

— Vậy ra ái-khanh cũng là một bực cảnh vàng lá ngọc thật ư? Xin ái-khanh làm ơn cho trẫm hay sự bị mất đó. Lệnh-thần là ai? Và ái-khanh tên là gì?

— Tâu Bệ-hạ, thần-thiếp tên là Hải-Hồng. Thần-phụ thiếp, nay đã thăng-bà, vốn là một vị quốc-vương oanh liệt nhất dưới Triều-Quốc.

Thần-phụ thiếp qua đời, để nước lại cho Hoàng-Hậu là thần-mẫu thiếp và người anh thiếp, là vua Sa-Lý.

Nước đang thái-bình thịnh-trị, thịnh-linh bị một vị Thủy-Tế quốc-vương khác, đem đại đội binh-mã đến xâm-lấn, Kinh-thành bị thất-thủ, hoàng-gia thần-thiếp chỉ kịp cùng một vài viên trung-hãn, di lánh nạn tại một nơi kín đáo.

Rồi anh thiếp thao-luyện binh-mã, định kế khôi-phục lại ngai vàng. Nhưng mưu sự tại nhân, thành-sự tại thiên, mấy trận đầu tiên đều thất-bại. Anh thiếp rất lấy làm lo phiền về thiếp. Một hôm hoàng-huynh bảo thiếp rằng:

« Em á, việc thắng bại, anh chưa dám quyết. Anh có thể thua trận sự đó không sao, nhưng rất lo ngại em bị ảnh-hưởng các cuộc thất bại của nhà-nước. Muốn em yên-phần, anh muốn em yên bề gia-hất trước đi. Nhưng trong cảnh-nghệ này, anh tưởng không thể nào kén cho em một người chồng trong các bực Hoàng-đế, Quốc-vương luỹ-cung. Nếu em bằng lòng lấy một vị quốc-vương trên lục-địa, thì anh lấy làm sung-sướng lắm. Em xinh-đẹp như vậy, anh chắc lấy em, ông vua nào cũng lấy làm đẹp lòng và anh sẽ tìm đủ cách để cuộc hôn nhân của em được kết-quả như ý ».

Nghe hoàng-huynh nói, thần-thiếp nghĩ ngay tam-bành lên. Thần thiếp phát tức trả lời: Anh ơi, em không ngờ anh lại ăn nói như vậy.

Cũng như anh, đôi bề em là dòng dõi các bực thủy-tế long-vương, không đời nào em lại cam tâm lấy kẻ tầm thường. Còn các vua-chúa trên lục-địa em cũng không thèm nhìn đến. Nếu nói đại, anh nhải bỏ mình vì nước thì em cũng xin một chết theo nhà chứ không chịu thay đổi ý-kiến.

Hoàng-huynh cho thăm-thiếp hay rằng có nhiều bực vua chúa trên lục-địa tài đức không kém gì các vị long-vương. Lời anh nói chỉ làm thiếp bực-tức thêm vì anh nói mà không nghĩ. Thần-thiếp phát cáu lên đến nỗi bị hoàng-huynh nói nhiều câu mỉa-mà chua-chát không thể chịu được. Phấn-úất, thần-thiếp liền từ biệt thủy-cung, vượt mình khỏi mặt nước, lên một hải-đảo.

Dù sao mặc lòng, tại hải-đảo ấy thần-thiếp đã được yên-thần tị lâu. Nhưng một ngày kia, thần-thiếp đang ngủ, thì một ông vua cùng các quân-thần bắt gặp, liền bắt

thiếp mang về và ngộ ý muốn lấy thiếp làm vợ. Thiếp cự-tuyệt, ông vua ấy định dùng võ lực ăn nằm với thiếp. Thiếp làm cho ông vua ấy bối-hận về việc mình làm. Tức giận, ông ta liền đem bán thiếp làm ti-nữ. Báu cho người lái buôn đem thiếp về Bệ-hạ hôm xưa. Vì thương-gia ấy là một người quân tử, hiền-lành từ nhỏ, suốt dọc đường đem thiếp đến dâng Bệ-hạ không để thiếp phải trái-ý bất-bình điều gì.

Còn đối với Bệ-hạ, nếu Bệ-hạ đối với thiếp không lễ với khoan-hồng lịch-sự, nếu Bệ-hạ không thực lòng thương-yêu đến thiếp, thì có thể thiếp cũng chẳng chịu ả

ở với Bệ-hạ đâu. Có lẽ thần-thiếp đã vắng mình qua cửa sổ này, xuống thủy-cung tìm anh và mẹ.

Vì thấy Bệ-Hạ có lòng tốt quá nên thần-thiếp không nói bô đi.

Tâu Bệ-Hạ, chuyện chỉ có thế. Từ nay mong rằng Bệ-Hạ đừng coi thần-thiếp là một con ti-nữ, mà coi là một vị công-chúa xứng-dáng sánh - duyên với một vị quốc-vương!

Không sao cả được sự kính-ngạc của nhà vua khi nghe câu chuyện ấy. Nhà vua hỏi thăm nhiều điều về thủy-cung, về thủy-lộc, thủy-cung và cách cai-trị.

Đoạn nhà vua hỏi thêm:

— Nhưng sao mình lại sống được ở dưới nước, không bị chết đuối?

Vương-phi mỉm cười đáp:

— Tâu Bệ-Hạ, chúng em đi dưới đáy bể cũng dễ dàng tự-nhiên như Bệ-Hạ đi trên mặt đất. Chúng em thở dưới nước cũng như Bệ-Hạ thở hít khí trời. Điều này lạ hơn



ĐÔI CHO ĐƯỢC
FOOR
MỤC BÚT MẤY TỐT NHẤT
đại-lý độc quyền
TAMDA & C; 72 WIELLE HANOI

11

NHỮNG NGUYÊN NHÂN SÂU XA TRONG VỤ

Rudolph Hess nhận vật thí ba
nhân Đức, sau Hitler và Göring,
thứ ba trong danh sách Quốc-xã, người
tranh tranh nhất đối với Hitler và
có nhiều hi-vọng có thể thay Hitler
lên cầm quyền một-lai nước Đức,
tự nhiên đáp một chiếc phi-cơ Mess-
erschmitt 110 bay sang Anh, lúc
phi-cơ hết ét-xăng đã nhảy dù xuống

RUDOPH HESS người được Hitler tin dụng nhất bỏ nước Đức sang Anh

nay 47 tuổi. Hess là con một nhà
buôn ở người Đức ở miền Wurm-
siedel và khi mới lớn lên thì nổi-
nghề cha, học nghề buôn bán. Đến
chi cuộc Âu-chiến 1914-1918 xảy ra
thì Hess phải ra lính dăng đầu một
toàn quân cầm-tự, rồi sau lại đổi
sang làm phi-công. Sau cuộc chiến-
tranh thì Hess theo học về khoa địa-
lý chính-trị học. Đến 1919 thì Hess
lấy tư cách là hội-viên một hội về
chúng-tộc nghiên-cứu về các vấn đề
nhân-dân và năm 1920 thì dự vào
đảng Quốc-gia xã-hội. Hess dự vào
loạt thứ nhất về các đội quân cầm-
tự của đảng đã bảo vệ cho thủ-lĩnh
Hitler trong khi độc đ. đến-văn lần
thứ nhất ở nhà bán, rượu bia Hof-
brau năm 1923. Hess lại là người
chỉ-huy đội học-sinh quân Quốc-xã
ở Münch. Vì hoạt-động trong đảng
Quốc-xã nên Hess bị chính-phủ địa-
phương xứ Baviere kết án bảy
tháng rưỡi tù đồng thời với Hitler
và cũng bị giam ở nhà pha Lands-
berg là nơi mà Hitler đã thảo ra
cuốn Mein-Kampf cuốn «thần kinh»
của các nhân viên đảng Quốc-xã và
của người Đức. Người ta nói Hess
cố giúp Hitler một phần trong việc
viết cuốn Mein-Kampf.

Sau khi ở nhà pha ra, Rudolph
Hess giúp việc tướng Hansehofer là
người chuyên về môn địa-lý chính-
trị học của đảng Quốc-xã và từ 1925
thì Hess giữ chức thư-ký riêng của
Hitler. Đến năm 1932 thì Hess được
cố làm trưởng ban chính-trị trung-
uống Quốc-xã và tháng April năm
1933, sau khi Hitler lên giữ quyền-
chính nước Đức thì Rudolph Hess
được Hitler chọn làm đại-biêu
thường-trực để thay mình trông
nom công việc đảng Quốc-xã.

Rudolph Hess được đứng ngang
hàng và có quyền như mọi vị Tổng
trưởng nước Đức tuy ý không giữ
bề nào trong chính-phủ Đức cả.
Lấy tư-cách đại-biêu của Hitler
đứng đầu đảng Quốc-xã nên hàng
năm cứ trước ngày lễ Noel thì
Hess lại đi cưỡi xe-hỏa-hỏa những
người Đức ở ngoại-quốc.

Rudolph Hess là người trông nom
cả công cuộc tổ-chức của đảng Quốc-
xã ở ngoại-quốc.

Rudolph Hess lại còn là người
đứng đầu ban trình-thẩm tối cao
của đảng Quốc-xã giữ trách-nhiệm
kiểm-soát cả công việc của ban Do-
tham chính-trị (Gestapo) nước Đức.

Một người giữ một địa-vị cao quý
và quan-hệ như thế ở nước Đức
ngay nay lại là người có hi-vọng
nhất, thế-lực nhất trong những
người được Hitler chọn để thay
mình giữ chức Quốc-trưởng Đức
sau này, mà tự nhiên bỏ cả công
việc, địa-vị quyền-nhân rồi một
mình cưới một chiếc phi-cơ bay
sang đất nước Anh là nước hiện
nay còn đánh nhau với Đức, là kẻ
thù không đội gậy chung của nước
Đức Quốc-xã, thì thật là việc lạ
lùng ít thấy!

Rudolph Hess chỉ sống cho thủ-lĩnh Quốc-xã.

« Ông ta sống cho chủ-nghĩa
Quốc-xã và Thủ-lĩnh Hitler là lẽ
sống đẹp nhất của ông ta! » Đó là
lời của nhà báo Đức thường nói về
Rudolph Hess, l'hye thể, trong các
nhân-viên đảng Quốc-xã Đức thì
Hess là người tin-tưởng vào chủ-
nghĩa đảng và trung-thành với
Hitler hơn cả. Hess đã không quên
mọi sự nguy-hiểm để luôn luôn bảo
vệ cho Hitler và đã có lần liều chết
để che chở cho Thủ-lĩnh đảng Quốc-
xã trong khi Hitler bị bọn cộng-sản
công-kích và mưu hại.

Hess là một người cao mành
khảnh, nhưng hai vai xuống, nét
mặt lúc nào cũng dăm dăm và hai

mắt thì sâu và xanh biếc, lúc nào
trông cũng có vẻ mơ mang. Thúc
thường Hess chỉ mặc y phục của
đảng nghĩa là một cái sơ-mi nâu,
một cái quần ngắn và đi ủng da.

Rudolph Hess, người vừa già
xuống miền Ecosse nói là để cứu
nhân-loại khỏi nạn chiến-tranh, là
viên Thủ-lĩnh chính-thức của đảng
Quốc-xã Đức. Đối với Hess, chủ-
nghĩa Quốc-xã là một chủ-nghĩa
độc-đoan, là một giáo lý không thể
thay đổi, xác phạm đến được.

Đối với Hess chủ-nghĩa Quốc-xã
là một thuyết bất di bất dịch cần cứ
vào một nền-lương rất vững vàng,
đưa một một lòng tin người của
người đã lập ra thuyết đó là ông
« thần » Adolf Hitler. Hess không thể
nào công nhận rằng chủ-nghĩa
mình đã tin tưởng và có trách-
nhiệm phải giữ gìn, bảo-vệ là
một điều có thể luôn luôn thay đổi
được. Hess chỉ biết cho Hitler và chủ
nghĩa Quốc-xã mà y cho là một chủ-
nghĩa rất thiêng-liêng. Hess lại là
người tin vào thuyết chủng-tộc cũng
như tin vào đảng Quốc-xã và bao
giờ cũng là người rất háng-hai về
việc bại-trừ những dân khác giống,
nhất là bọn người Do-thái. Hess là
bản thân của chủ-nghĩa Quốc-xã và
của thuyết chủng-tộc. Một người
như Hess không thể nào mà dung
được một sự thay đổi về chủ-nghĩa
của đảng và về thái độ của chính-
phủ Quốc-xã Đức.

Hess là người điều hòa về chính sách ngoại giao của đảng Quốc-xã và kẻ thù của chủ nghĩa Cộng-sản.

Hess, một đảng viên quốc-xã rất
nhiệt thành rất trung-sạch không
thể nào công nhận việc đảng Quốc-
xã lại hợp-lạc với đảng Cộng-sản,
Hitler lại bắt tay Stalin được.
Nhưng Hess lại nói rằng từ
Aout 1939 đến nay lại là chính sách
ngoại-giao cốt yếu của nước Đức và
là sự đặc-thắng về vanguard của
phái Bả-linh. Chính sách thân Nga
vô-viết đó tuy có trái với chủ-nghĩa
của đảng quốc-xã và những lời

tuyên bố của các thủ-lĩnh Quốc-xã
từ xưa đến nay nhưng lại là con
đường đã đưa nước Đức đến những
cuộc thắng lợi về quân sự ở Ba-lan,
ở một trận phía Tây và cả ở miền
Đa-ni cũ gần đây. Chính sách đó
ngày nay là chính sách của bộ ngoại
giao Đức, của bọn Ribbentrop mà
Hitler cũng phải công nhận là một
chính sách có lợi cho Đức và phải
nghe theo. Chắc Hess phải cho rằng
cái chính sách tai hại đó là nguyên
nhân cuộc chiến-tranh tàn khốc ngày
nay, Hess là người vẫn tin vào hòa
bình và cho là chỉ có hòa-bình thì
nước Đức mới có thể mở mang được
về mọi phương diện. Người ta nói
Hess là người ôn hòa nhất trong các



RUDOLPH HESS

người đứng đầu đảng Quốc-xã, Hess
là người điều hòa về chính-sách
ngoại-giao của đảng Quốc-xã, nhiều
nhà báo ngoại-quốc đều phải công
nhận như thế. Chính Hess đã
khuyến Hitler, trong cuộc hội đàm
lần thứ hai ở Godesberg không nên
quyết liệt với thủ-tướng Anh và
trước khi thủ-tướng Anh đáp phi-cơ
về Luân-đôn, nên hội kiến lại một
lần cuối cùng. Chính Hess đã vội
vàng đi ở đó ở Detmold đến Godes-
berg để khuyến Hitler nên thủ-giữ
định lại với thủ-tướng Nevill

Chamberlain. Chính nhờ Rudolph
Hess, mà hội đàm đó cứu vãn được
hòa bình Âu-châu, các báo Đức đều
nói rõ việc đó.

Và noao trước cuộc hội-ngộ hòa
bình ở Munich, Rudolph Hess cũng
giữ một địa-vị quan trọng. Chính
M. Alexis Léger, Chánh văn phòng
bộ Ngoại-giao Pháp cũng đã « ư
vao công hội-ngộ đã thuyết lại là
trong khi dự hội nghị, Hitler thường
y nghĩ đến Rudolph Hess thủ-lĩnh
đảng Quốc-xã ngồi ngay một phòng
gần đây và thông sang phòng họp
hội nghị bằng một cái cửa đi mọi.
Mãi đến lúc hội nghị hợp xong thì
Rudolph Hess mới xuất hiện và
khi nghe câu « Đã cứu vãn được hòa
bình » do Hitler nói ra, thì ai
người được thấy trên môi Rudolph
Hess một nụ cười kín đáo nhưng
cũng đủ tỏ vẻ hài lòng của một người
vốn yêu mến hòa bình. Rudolph
Hess năm cuối trước công-chiến g,
thực là một sự lý do vì người Đức
được trông thấy theo lui lời M.
Alexis Léger Rudolph Hess bao giờ
cũng hết sự giữ vững địa vị và
thanh lịch Đức quốc láng hàng
phương-pháp hòa-bình và bao giờ
cũng là người cực lực bài Do-thái và
bài Cộng.

Hess sang Anh là có ý để tìm cách
điều đình, giảng hòa với Anh-tran-
h cho Âu-châu một cái hòa chiến-tranh
lần khác cơ-vu để bao giờ mới kết
liều. Điều đó rất có thể, Cũng có lẽ
Hess không muốn giữ trách-nhiệm
công việc đảng và không nên ngồi
trông thấy đến Đức càng ngày càng
sa đẫm vào sự lăm lăm, khổ nẻo và
văn-hóa càng kỳ nghệ, thương mọi
Đức vì chiến-tranh, mà càng ngày
càng thêm nguy-nghp, nên mới bay
sang Anh định gặp các nhà trí thức
Anh mà y quen biết để điều đình
giảng hòa.

Rudolph Hess hành động như
thế là điển hay lành, là tự ý mình
hay lại là một cái mưu sảo của
Hitler để để ra để luận của dân Anh
đó với việc giảng hòa. Tất cả những
thuyết đó thuyết nào là đúng cũng
không ai có thể biết được là đang
chỉ có Rudolph Hess và Hitler.

TÙNG-PHONG

Đời chính-trị của Rudolph Hess

Rudolph Hess sinh ngày 28 April
1894, ở Alexandrie xứ Ai-cập, năm



Phòng triển lãm Mỹ-thuật thứ năm

Một người quá lạ

Người ấy là Ambroise Vollard. Ông ta già gần tám mươi tuổi và mới chết đầu năm ngoái. Trông người rất lớn và còn khỏe mạnh, mặt chưa hề có một nếp nhăn nào và không bao giờ mất nụ cười trên môi.

Người nào trong thấy ông và biết rõ tuổi ông tất phải kêu lên:

— Ông đã làm gì đến tám mươi tuổi. Trông chỉ vào khoảng sáu mươi thôi.

Người ta thấy Vollard trẻ như thế đã lâu. Ông thường cười và bảo:

— Làm cái nghề bán tranh vẽ này rất khó được người ta tin cậy. Bởi thế lúc tôi còn trẻ thì tôi phải làm cho gia đình cho thiên hạ tin cậy. Bây giờ tôi già rồi thì tôi có làm cho tôi trẻ mãi để cho mọi người khỏi nghĩ rằng «tôi đã hết thời!» Nhưng xét ra tôi cũng chẳng sống được bao lâu nữa!

— Ông ấy à? Ông có bị ai giết thì mới chết...

Lời nói ấy đúng thật. Quả thế mới đây Vollard chết vì một cái tai nạn ô-tô bất ngờ — giữa lúc ông còn đang khỏe mạnh.

Vollard sinh ra năm 1863 tại đảo Réunion, thuộc Pháp. Ở đây ông bắt đầu ưa thích lịch sử, ông thu thập ông các giọng vẽ để chơi. Nhìn lên ông được đi học luật và cha ông cho ông vào học trường đại học Montpellier ở Pháp để mong ông thành luật-sư ở Montpellier không lâu ông lên Paris và trọ ở gần nhà bảo-tàng Luxembourg. Nhưng Vollard đi học luật ít hơn là đến uống rượu ở các hàng rượu vùng Quartier Latin, vì ở đó ông thường gặp các thi sĩ và họa sĩ. Ông lại thường đi loanh quanh trên bờ sông Seine để xem tai nạn về của các nhà bán tranh vẽ bấy ra.

Ông bắt tay tranh vẽ từ đây.

MỘT NGƯỜI DẦU CỎ TRANH VẼ giỏi nhất thế - giới

— BUỒN MỘT LẠI —
HÀNG NGHÌN HÀNG VẠN

TÙNG-HIỆP

Lần đầu mua nhầm

Ambroise Vollard là khắp thế giới đều phục là người mua tranh vẽ sành nhất thường vẫn kể lại câu chuyện mua tranh lần đầu tiên của ông ta:

— Một sự tai hại cực kỳ, các ông ạ!

Thì ra, Vollard lúc ấy còn trẻ, một hôm nhìn thấy một bức tranh vẽ bày ở một cửa hàng. Ông đoán chắc mua bức tranh ấy bán lại thì sẽ nào ông cũng... phát. Bức tranh ấy nhan đề là: «Cổ thiếu nữ với chiếc bình vỡ» ở dưới có ký tên Laure Lévy, d. Bonnat. Cái tên Bonnat này làm cho ông nhớ đến chuyện một cô bé mua một bức tranh của họa sĩ Bonnat ấy với giá tiền sáu mươi quan và chỉ mấy năm sau cô bé lại được hàng vạn bạc. Nghĩ thế và Vollard cho rằng Thần Tài đã đến cửa nhà mình rồi. Trong túi lúc ấy chỉ còn có hai mươi quan, mà lại chưa ăn bữa sáng. Vollard không hề ngần ngại mua phăng bức tranh vẽ «Cổ thiếu nữ với chiếc bình vỡ» này! Ông tin mình như một người đánh cá ngựa nhưng đánh chắc chắn vào một con ngựa thế nào cũng ăn chết.

Thần ôi! Vollard chưa bao giờ hiểu rõ các mảnh khoe của nghề! Thanh thì khi ông đem bức tranh ấy bán lại thì ai nấy đều cười:

— Giá bức tranh này chỉ đáng mấy hào thôi.

Vollard giết mình:

— Tranh vẽ có ký tên Bonnat hẳn hai đầu chày? Các ông buôn tranh thường hay chỉ Vollard biết rằng dưới bức tranh có đề d. Bonnat như vậy nghĩa là d'après Bonnat: là vẽ phỏng theo Bonnat.

Bài học ấy chưa dạy quen. Không bao giờ Vollard lãng quên nó.

Lúc này Vollard đã nổi tiếng sĩ luật khoa và đã bắt đầu có danh tiếng nhưng ông chỉ ao ước trở nên một

người bán tranh vẽ mà thôi cho nên cách đó ít lâu ông không làm thấy kiện nữa và ông xin vào làm thư ký ở phòng bán tranh vẽ của ông Alphonse Dumas. Tuy ở đây ông chỉ kiếm được lương có mười lăm đồng một tháng nhưng ông rất hài lòng vì ông được sống gần các họa sĩ và các người buôn tranh vẽ. Ông quyết tâm học hết khóa trong nghề. Lúc ấy vào khoảng 1890, các họa sĩ Pháp như Detaille, Dagnan-Bouveret, Bouguereau đang được chính phủ tin dùng và các tranh vẽ của họ bán được cao giá. Nhưng Vollard tình ý, ông không tin rằng các họa sĩ ấy sẽ có tương lai nên ông chỉ đi lần mò tìm các họa sĩ khác còn trẻ tuổi nhưng chưa có danh tiếng gì và nhiều lần ông mua với một giá rẻ các tranh vẽ của họ khi mà ông Dumas — chủ của Vollard — chê bai không mua.

Trọng thời-kỳ này ông mua được một bức tranh «khỏa thân» của họa sĩ Renoir, ông chỉ phải trả có mười đồng bạc. Ông đem về treo ở phòng của ông, các bạn trông thấy ai cũng chế cười rằng sao lại có một người ngu ngốc như ông để đi mua những bức tranh vô giá trị như thế. Họ chắc sẽ không ai bỏ ra năm hào để mua lại bức tranh ấy.

Vậy mà mười năm sau ông Rodin bỏ ra hai ngàn rưỡi bạc để mua lại bức tranh này. Vollard đã lãi gấp 250 lần rồi. Nhưng đầu năm 1939 ông còn phàn nàn:

— Hoài của, giá bây giờ tôi còn bức tranh của Renoir ấy thì có thể sẽ giá tới 12 vạn bạc.

Có người trách Vollard căm «đầu-cỏ» cái tài của họa sĩ Renoir. Thật ra thì nếu Vollard bán tranh của Renoir mà giàu thì Renoir cũng phải nhờ có Vollard mới nổi tiếng.

Bạn của các họa-sĩ

Sau khi học hết nghề ở phòng bán tranh vẽ của Dumas rồi thì Vollard ra mở một phòng bán tranh vẽ riêng. Mỗi riêng! Với 50 đồng bạc một và vài bức tranh vẽ của các họa-sĩ Forain, Renoir, Willette. Về sau thì mấy bức tranh ấy mới trị giá tới hàng triệu bạc nhưng lúc đó thì giá trị của «chúng» không hơn vài chục bạc.

Vollard là một người rất cương-quyết, bán giá nhất định không cho ai mặc cả. Có lần một người tới mua một bức tranh và hỏi giá.

— Bỏ ngàn quan.

— Bà ngàn quan nhớ, ông bằng lòng không?

Vollard cau mặt:

— Tôi nói đúng giá mà ông còn mặc cả. Vậy nếu ông không giá đó năm ngàn quan thì tôi không bán.

Và có sự này tuy vô lý mà có thật là người khác ấy phải trả đúng năm ngàn quan mới mua được bức tranh kia.

Sau chuyện ấy Vollard lại nổi tiếng thêm và từ đó không ai bớt được của ông một xu nhỏ. Phòng bán

tranh vẽ của Vollard mở ra ở phố Laflitte là một nơi mà luôn ba mươi năm giờ các họa sĩ rồi danh nhất thế giới và các nhà buôn tranh vẽ giàu lớn thường vẫn lui tới để gặp gỡ và chuyện trò.

Mặc dầu sự «đầu-cỏ» của Vollard, người ta phải nhận ra rằng Vollard được hết các họa sĩ coi như là bạn thân.

Và cũng vì thế mà phòng buôn tranh của Vollard mỗi ngày một thêm giá trị, ông có nhiều tranh vẽ của Pissarro, S. Stev. Renoir, Monet, Degas, Manet, Odilon, Redon và Cézanne.

Cézanne và Renoir là hai họa-sĩ làm cho Vollard được nhiều tiền nhất. Chính Vollard đã đoán biết Cézanne rồi sẽ nổi danh nên ông bỏ hết cả tiền tài ra để mua luôn một lúc cả 150 bức tranh của Cézanne. Về sau ông bán lại tới giá năm triệu bạc.



AMBROISE VOLLARD
Người đầu cơ tranh
vẽ giỏi nhất thế giới

Tuy rất sành về tranh vẽ mà Vollard lại không biết vẽ. Có người bạn bảo ông:

— Anh ăn lãi về tranh vẽ nhiều quá nên giới phạt anh chỉ cho anh bán tranh vẽ mà không cho anh biết vẽ.

Vollard cũng lấy thế làm buồn, nhưng Forain, một họa sĩ quen, bảo ông:

— Không biết vẽ như anh thế lại may. Biết vẽ như tôi thì sung sướng gì...

Thì ra Vollard cũng «xoi» nhiều tranh của Forain.

Lãi gấp vạn

Nói về sự lãi của vẽ buôn tranh vẽ của Vollard thì thật là không bờ bến. Có nhiều bức tranh Vollard mua mới có năm đồng mà lãi một một triệu

bạc; nghĩa là lãi hai vạn lần vốn mua.

Tuy vậy Vollard thường có một vẻ buồn. Hồi về thăm sự ông, ông chỉ lắc đầu không đáp!

Nhưng trong những năm cuối của cuộc đời ông, ông thường thần thơ đi trong cảnh vườn đẹp của nhà bảo tàng Rodin và đứng ở đấy có khi hàng giờ để nhìn một cái cây, một bông hoa.

Và ông lắc đầu nói một mình với một giọng buồn thắm thía:

— Cảnh vật của tạo hóa đẹp thật.

Nhưng đột nhiên, ông không ngắm tạo vật nữa ông tươi tỉnh rầy và nói:

— Hôm qua ở Lucerne, ông có đến xem cuộc bán bức tranh vẽ «L'homme à l'oreille cassée» của Van Gogh không? Bức tranh ấy bán với giá mười lăm vạn coi! Tôi mua nó hồi trước cái giá chỉ có 120 đồng thôi đấy!

Thì ra ở ông tiền bao giờ cũng hơn cả.

TÙNG-HIỆP

2.000 NĂM XU'A, TÀU DÃ BIẾT đùng chiến-xa

QUÂN-CHI

« Dưới bóng mặt trời không có gì mới » chính là một câu của tây phương.

Ngẫm thật có thể.

Một việc gì ở đời này ta tưởng rằng lạ, kỳ thật đời xưa đã có người nghĩ đến hay đã từng làm rồi cũng có. Trò chơi kim cổ đồng tác chẳng qua một cuộc đi diễn lại những bản cũ, chỉ có đào kép, y phục và sân khấu thay đổi đầy thôi.

Trong các thứ khi giới chiến tranh đời nay, chiến-xa có lực lượng và công dụng ngoài hẳn ý-lệ của người ta, bắt đầu ngay từ các nhà chuyên-môn quân-sự trở đi.

Ái cũng thấy rõ binh Đức khéo dùng chiến-xa đánh thắng những trận chớp nhoáng (*guerre-clair*) ra thế nào. Từ trận-dịa Ba-len trải qua mấy hồi chiến trường Bỉ-Pháp cho đến các miền hiểm trở ở Nam-tur, Hy-lạp, những cỗ xe khổng-lô hàng trăm tấn của Đức đến đâu tung hoành vô-dịch ở đó.

Kiểm-đuyệt bỏ

Có nhiều người lầm tưởng chiến-xa là sản-phẩm riêng của Đức và lần này mới đem ra dùng là một.

Không.

Chẳng phải người Đức sáng tạo ra chiến-xa và ọi-dụng trước nhất đâu.

Kỳ thật khi-giới ấy — cái gì của César ta hãy rả lại cho César — sáng-tạo chính là người Anh và người Pháp, mà ọi-dụng thì 2000 năm trước người Tàu cũng đã biết rồi.

Đã bảo dưới bóng mặt trời chẳng có gì mới.

Người ta thấy chiến-xa xuất hiện trước hết, vào khoảng giữa thế-giới đại-biến 1914-18.

Còn nhớ hồi ấy nhằm tháng chín 1916, hai quân hội-chiến ở mặt trận sông Somme, quân-đội Anh đưa chiến-xa ra xung phong hăm trận lần thứ nhất.

Đoàn xe mới lái ấy hình như bò ra trên-triền, quân Đức tuy trố mắt ra nhìn, chớ là lữ ma quái

xuất hiện, nhưng họ không lấy gì làm sợ. Là vì chiến-xa mới chế tạo buổi đầu hẳn còn lụm lụm, sơ sài, có nhiều nơi trở ngại và bỏ đi một quãng thường trực trặc hồng mây luôn. Bởi vậy thử-thời đã có người bảo là ra thử đồ lộn kém nhiều tiền mà chẳng có công hiệu đó làm quái gì.

Qua tháng 11 năm sau, nhờ chiến-xa quân đồng minh đánh binh Đức thua một trận thất điên bát đảo, bấy giờ người ta mới thấy rõ cái giá-trị thật của món vũ-khí mới này. Đức bắt chước làm theo, trong khi Anh và Pháp ra công tìm tòi sửa sang mãi về máy móc cho được tinh xảo và thêm sức mạnh chiến đấu. Kiểu xe Nona nhẹ nhàng của Pháp và kiểu xe chữ V nặng nề to lớn của Anh, là hai thứ chiến-xa có tiếng hồi đó.

Từ đấy, hai quân-đội Anh Pháp nhờ lực lượng chiến-xa vừa nhiều vừa mạnh mà đánh dần mãi lên. Mùa xuân 1918 trở đi, lần lần phá vỡ được cái trận thế đại tấn công của Đức, rồi cuộc đến cuối năm ấy Đức phải bỏ trận, cầu hòa.

Việc đời trở trêu làm sao, đến trận đại-chiến này, liên-quân Anh Pháp lại bị ngay công kích mãnh liệt bởi thứ chiến-xa chính mình sáng tạo năm xưa.

Kiểm-đuyệt bỏ

Giờ xin mời các ngài hãy về tâm ao ta, để nghe câu chuyện Trung-quốc đã biết dùng chiến-xa từ 2000 năm trước.

Trung-quốc có xe từ bao giờ ?

Có hai thuyết.

Một thuyết nói từ đời vua Hoàng-đế đã làm ra xe để chở nặng và đi xa. (Theo *Hán-thư Đại-lý-chi* và *Cổ-sử-khảo của Tiêu-Chu*) một thuyết khác nói mãi đến đầu nhà Hạ mới có người tên là Hê-Trọng hay con của và chế-tạo ra xe. Ấy, Tuân-tử, Mặc-Tử và nhiều sách khác nữa đều chép như thế.

Các nhà học-giả Tàu đời nay, nghiên-cứu lịch-sử cổ-thời, cùng cho thuyết thứ hai đúng hơn. Vì những chuyện Đường Ngụ về trước đều mơ hồ khó tin, Các vua Hoàng-đế và Nghiêu Thuấn cũng

ấy ở ngôi thiên-tử mặc dầu, đi đâu cũng cuốc bộ, chớ đã làm gì có xe, đến dùng ngựa mà cưỡi, có lẽ cũng chưa biết nữa. Cái thuyết « Hê-Trọng tác xa, 奚仲作車 » đáng tin hơn. Ai cũng nhìn nhận đời nhà Hạ là buổi tăng sáng của văn-hóa Trung-quốc, những phép mới nghề hay, lễ nghĩa văn vật, bắt đầu phôi-thai hay phát-sinh từ đấy. Cho đến Tương Sĩ bày ra cỡi ngựa, Vương-Hội nuôi trâu để cày, cũng đến buổi đầu nhà Hạ mới có thay !

Nhưng lúc này cổ xe chỉ có công việc chở nặng đi xa, người ta chưa biết đem nó ra chỗ chiến trận.

Cứ theo kinh Thư chép mà suy, thì vua Khải (cũng đời nhà Hạ) dùng chiến-xa ra trận là lần thứ nhất. Trong lời nhà vua truyền bá ba quân trước khi ra đi đánh giặc ở đất Cam, có nói đến xe.

Đời ấy dùng binh, cũng cốt yếu ở hai sức mạnh, là dõ và xa. Dõ tức là linh bộ. Nhưng buổi nhất-sơ, chẳng qua chỉ dùng dẫm ba cỗ xe để bỏ vào những chỗ bất-tức của linh bộ thế thôi ; bao giờ lâm trận, cũng cốt ở linh, chưa lấy xe làm chủ-lực.

Qua đời nhà Thương cũng thế. Sách *Lã-thi Xuân-thu* chép khi vua Thang (thủy-tổ nhà Thương, hay Ân) đem binh đánh giặc Di-dại-Hy, số linh cảm tử đến sáu nghìn, chỉ lơ thơ có chín cỗ xe bày

trận thành hàng dài, thế mà đánh có một trận, bắt ngay được tướng giặc.

Chiến-xa vẫn chưa tới lúc đắc-dụng.

Thật biết dùng xe làm kn-giới trọng-yếu, bắt đầu từ nhà Chu trở đi.

Không phải là hạng xe thường dùng về việc chuyên chở, đến đây người ta đã tạo ra thứ xe riêng của binh hùng-trận-mạc. Xe dòng kiên-cổ, lại học da cứng (*cách-xa*) để chống đỡ những đầu tên mũi giáo. Đầu trục bánh xe cũng biết học bập bễ, cho được vững vàng. Mỗi xe có bốn hay sáu con ngựa kéo, tùy theo địa-thế và lúc cần dùng. Chẳng những tướng sĩ ngồi trên xe mặc áo giáp mà thôi, cả mấy con ngựa cũng có áo giáp che thân nữa.

Lúc Võ-vương đánh vua Thương Trụ để dựng lên nhà Chu, toàn dùng những chiến-xa kiên cố và trang hoàng đại-khải như vừa mới nói, đặt lên là « nhung-xa ».

Mạnh-tử thuật lại rằng : « Võ-vương đánh Trụ, có nhung - xa trăm cỗ, linh bộ - bốn ba ngàn người » đem so với đời trước (vì dụ lúc Thang đánh Di-dại-Hy), thấy số linh không gia-tăng, nhưng đến chiến-xa đã trở nên khi-giới chủ-lực trong cuộc dùng binh vậy.

QUÂN-CHI

Các sách dạy võ Tàu, võ Tây (võ Ang-lê), võ Nhật và võ Ta

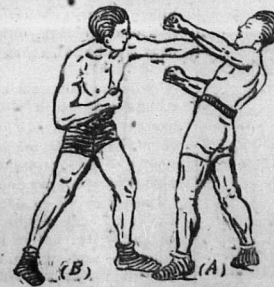
do SƠN - NHÂN soạn, Hanoi — Nhật - Nam Thư-Quán xuất bản (đã in đi, in lại bốn năm lần)

Muốn trở nên một võ sĩ hoàn toàn (không có hại) cần phải học từ lối thế nào rồi mới đến đấu võ. Cuốn võ Tây (trong có dạy cả võ Ang-lê) có dạy đầy đủ các thứ kỹ thuật thế nào đến đấu võ, có tính t âm hình vẽ. Giá 0,30 đồng bán đủ gần hết (khi in lại phải bán giá 1,00)

■ VÕ TÀU. — cuốn I giá 0,20, II giá 0,20, III giá 0,30 dạy từ thế nào đến các bài võ, V dạy đánh gần gũi, VI dạy đánh kiếm giá 1,00, VII dạy đánh công giá 0,20, VIII dạy đánh giáo 0,20, IX dạy đánh thương (giáo) giá 0,20. Môn võ bị truyền song luyện 0,20, Lối võ thường dùng 0,20, Học đấu võ 1,00, Thiếu lâm quyền pháp chính tông 0,20, La bàn quyền 0,20. v.v.

■ VÕ NHẬT. — Nhưng miếng đòn bị hiểm độc ác như bị gãy tay, ai gán, què, chết, ngã gãy xương, giá 0,20 (chớ mua làm bài sách chép lại và khi thay đổi ít nhiều mà có hại)

■ VÕ TA — Các bài võ có giá trị như Thần-đồng, Phương-hoàng, Lão-mai, Ngạc-trấn, đánh Võ, Trung-bình-tiến v.v. Các cụ ta đã dùng được bao quân Tàu, Xiêm... giá 0,20



Võ Ang-Lê (trong cuốn võ Tây)



Võ Ta (đấu trung bình tiến)

Ở xa gửi mua nhờ thêm cước phí — Mua buôn, mua lẻ, thơ, mandat chỉ để cho nhà xuất bản như vậy :

== NHẬT-NAM THƯ-QUÁN SỐ NHÀ 19, PHỐ HÀNG ĐIỀU — HANOI ==

KHI NHỮNG BÀ SƯ TỬ HÀ-ĐÔNG TỨC GIÂN

của TIÊU-LIÊU — tranh vẽ TRỊNH-VÂN

VI

À, mày chạy có phải không ?
Tùm ! ta tự tử cho mày biết !

Cái ông này thì khác hẳn. Ở Saigon, ai cũng biết rằng ông là một người có tiền nhiều. Sự thực, trước đây mười mười hai năm thì ông chỉ là một tay thợ kỹ nghệ ở trong một tư sở, ông giặt gàu và vá mớicó thể sống được một cách chật vật» rồi chẳng hiểu có bao giờ ông có ý tưởng tự thi chết rồi đời hay không chứ cứ riêng người ngoại bôn chia nhà ông thì tước là chán hơn còn nếm nài, ông càng tự thi thì rồi ông cũng chết. Vì buồn... nên một ngày tôi rời kia ông không gặp bà vợ tương lai của ông ở góc phố de la Somme.

Bà vợ ay, sự thực không có vốn, nhưng cô tài buôn bán thạc. Vợ chồng lấy nhau chẳng mấy lúc phát to. Thế rồi lại gặp nay cơ hội tốt này mai cơ hội tốt khác, chẳng mấy năm ông bà đã bốc nên giàu có, chiêm chế lên làm ông chủ bà chủ một nhà buôn lớn lấy chữ tín làm đầu và cho chữ đức làm quý nhất.

Bởi vậy, ta có thể nói rằng ông
chẩn diện của ta bị vẽ gần không
phải vì tiêu mất tiền lương tháng,
lấy bảy tám ngàn rưỡi bạc để đi
chơi với gái. Không, ông chủ tịch
nói đây tiền nhàn và có lẽ nhiều
quá để đùa với những... à lương
chơi - ấy, rồi cứ đoán phỏng
thế cho nó vui câu chuyện - mà
chưa bao giờ bị cứ cò hết. Đó là
bởi vì lấy ông không, ông biết
chức ý là vẽ rất đỗi của ông. Mà bảo
sao ông không chiến cho được?
Bao nhiêu cơ nghiệp tay tôi bị gây
nên cả, ông không phải chiến, sẽ
mà hỏi nhưng lại còn sự nữa, sự
đó là tôi đi ông sai trong gia đình.
Thảo nào là đi ông nghĩ một nửa

lớn như. Mà bà chủ hiệu của chúng ta lớn theo cái nghĩa đen, mà không những lớn mà thôi, bà lại còn béo, còn to, còn cao nữa, lại mới kinh người chớ. Tuy thế ông chủ hiệu của ta cũng kinh sợ từng lúc thôi: ông cũng khi nào bà có mặt, còn những khi bà không có mặt thì ông lại du lãm, coi trời bang vung vậy. Nghĩa là ông đem coi cái nhà hát là cái nhà hát có đầu, ông đi bện diu nghe và với như những người tu do nhất trên đời. Vậy, dể vậy, không hề trong lúc bà đi du lãm, ông chủ hiệu khảnh của bà chúng ta cũng vui như nửa buổi đi xem một cái xe rồ, hoặc đến chơi xóm cổ dân Phố Nhượng. À quên, tôi quên không nói với các ngài rằng ông chủ hiệu của chúng ta là người Bắc vào làm ăn lâu năm ở Nam-kỳ. Cái hồn Bắc-kỳ lúc nào như cũng lưỡng lự ở trong đầu óc ông, ông nhớ nhất là cái giọng hát cổ đầu thì lại

càng gọi nhiều cảm tưởng nhớ
nhưng buồn bã cho ông lắm, thực
chẳng ngày xưa quân lính của
nước... nước gì thì quên mất rồi...
nghe thấy tiếng địch ở trên đỉnh
núi của Trường-Lương mà tự nhiên
thấy động lòng cổ quốc của người này vậy.

— Hay ! hay ! chị Cúc ca nghe một bài Tỳ-bà hành nghe chơi nào.

Trời lúc ấy đã khuya. Cuộc vui hồ tàn. Xem trong di hát có phần là lời. Ông chủ hiệu buôn kia vừa cười cười nói nói đòi nghe bài gửi thư rồi sang bản Tý-Bà:

Lắc rắc rừng phong hạt móc sa,
Ngàn lau hiu hắt khi thu mờ.
Lưng trời nhận liệng dòng sông
thẳm.

Mặt đất mây đùn cửa ải xa.

Thì... thì... đương lúc cô đầu hát
đương "lấy gần môi" để ngân chữ
dùn, mảy dùn thì dùng một cái cửa
nhà hát mở toang ba bốn yếu giơ
đem cho vào căn thì đồ-dống cũng
được nghe bốn trăm giá ba trăm
cán ở đầu đố vác cái mặt to hùm
hụp đi vào, sáu cái tay hoành ở
trên sáu cái hàng, đứng ăn ngữ
ngay lấy nhà hát, không để cho ai
hoạt được.

Trời ơi! cái gì mà lạ vậy. Cái giống đàn bà mà ta vẫn thấy tả ở trong truyện Thủy-Hử mở quán ăn rồi bắt khách hàng mỡ thịt để làm nhân «tái páo», «tím sấm páo» có phải là ba người này đó không?

Quan viên và cô dâu không ai
bảo ai mà cùng một lúc thấy gợn
cả tóc gáy lên. Thì ra bà bà kia,
chưa thì hành một thứ gì cả đã
lầm trún ngay gần đối phương rồi.
Sao lại không gọi thêm rằng đó là
một cuộc chiến tranh chớp nhoáng
bởi vì sau cơn mất của bà bà cứ
đảo lila đảo lả lả và tiết ra một

ánh sáng nhanh như chớp nhóang
những bữa mưa rào vậy?

— À, không xong mất rồi...

Cái tư tưởng đó vòng một tua cái óc của ông chủ hiệu, ông chủ hiệu của ta biết ngay rằng một cuộc đổ bộ ghê gớm đã xảy ra. Bà bà kia, bạn của vợ mình, chỉ mới là những quân cầm đầu nhầy dơ đến trước đề đơn đường đất và để làm bôn phận

Một bà, uốn cái lưỡi đỏ ở trong miệng nói rằng:

— Hồng xong mà! Hồng xong mà! anh phải đợi cho chúng tôi mần công chuyện từ từ chớ, chỉ sắp tới đó mà...

Ba bà kia thì ra chỉ là những bà đi đánh ghen hộ mà thôi. Ghen hộ mà đã khiếp thế, các bạn đã có thể dự đoán rằng chính người bị

đi sau rồi, vừa vào trông thấy chồng
đấy đã gần lên một tiếng như người
lơng đi chuyển. Mặt người nào
cũng tái đi, cò dần chết run chết
đé, không một người nào dám ho,
người là cò cảm tưởng đang trước
một cảnh hoạt - tượng trong các
tần tượng Cải - lương Nam - kỳ.
Thế nhưng đã sao cảnh hoạt tượng
cũng phải kết - liễu để diễn tần
tượng chính mà mọi người mong
đợi.

Bà chủ hiệu không giáo dẫu hay nói dối. Bà làm ngay một bài « Không minh toa lâu »

Bò đũa thất phu, vào làm chi đây ?
Bò đũa thất phu, vào làm chi đây ?
Trời hồi trời, hồng xé hồng xong,
Trời hồi trời, hồng giết hồng xong
Vội lại cái đồ dĩ chó
Biết tay ta phen này...

thở rồi từ Không-Minh chỉ chớp mắt bà đã sang bài «Tạ» và «Bắc mang tấn cống» nghĩa là bà dồn tấn ra tấn hết, bạ ai cũng tấn, mà những cái tấn đều nặng như tạ cả.

Cái trận Đức đánh Hi-lạp vừa rồi chẳng biết dữ đến thế nào chứ cứ riêng ý tôi tưởng thì dữ như vụ bốn bà béo quày lại đánh ông chủ hiệu và cô đầu này là cùng vậy. Không thể nói vào đâu được.

Ai cũng tưởng rằng rồi đây cả
 bọn cô đầu và quan viên sẽ bị thu
 một mảnh giáp không còn, ở trong
 nhà hát sẽ không còn một người
 nào, cũng như ở trên lục địa sẽ
 không còn một tên đàn anh nào.

Chẳng ngờ phỉa dịch họ cũng gh
gồm lắm: có đầu treo trôn đ
gần hết, chỉ duy có ông ch
là thục thủ bị tắc mà thôi. Ông
tính ngay đến chuyện «xuống t
như quân Anh để trốn như
không được. Bốn mặt đân bả
lại như một cái thiên la địa v
Biết rằng có cũng chết – nhưng c
chết chạy thì còn có vẻ bằng h
– ông đang nghiền mới nam m
danh lối «cảnh quạt...» nã
sống liêu chết thục vòng vây l
một đường để trốn: ông lại m
ông ra mặt đất danh «sâm» n
cái như trời rơi đất chuyển th
rồi liền sống liêu chết chạy đi.

Cái xe ô-tô của ông đã đợi sẵn đấy rồi, ông hối tài xế nhanh tay



do thám của đội quân thứ năm chứ
đội quân chính thì chưa đến.

Ông chủ hiệu như Hạ-hầu-Đôn, ngày trước, đứng trước cảnh gay go ấy vỗ trán, vợ lấy đôi giày tây dẫm vào kêu lên rằng;

— Chán cha, căng mẹ, ta chớ nên bỏ phí! Tức thì ông « xô chân lên mang tai » chạy mất, nhưng không được; ba bà béo, vững như một dải « Vạn lý trường thành » đời nào lại dễ cho ông ra được ?

thương tổn danh dự thực, người
bị lừa dối thực thì nộ khí xung
thiên đến cực nào.

Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi.

Có vào lúc này, người ta mới thấy tất cả cái hay của Tiên-diễn tiên sinh: người ta thấy người dân bà ghen tuông không nói nhưng rên lên như một cái còi của trọng tài đấu bóng. Bà chủ hai, hai cái rống nhanh đi trước hai cái mắt đi trước, hai bàn tay đi trước còn cổ điển-hồ.

LÊ VĂN-TRƯỜNG
LÊ-VĂN-TRƯỜNG
LÊ-VĂN-TRƯỜNG

Nhà xuất bản HƯƠNG-SƠN, và
cho phát hành một cuốn tiểu-
thuyết của LÊ-VĂN-TRƯỜNG

ĐỜI NGHÊ SĨ

Là một cuốn tiểu-thuyết tả chân, tả chân đời sống thực của các nhà văn danh tiếng hiện đại. Người đọc sẽ cảm thấy xấu xa tất cả cuộc sống còn của đời nghệ-sĩ. G á 0\$45. Ở xa thêm cước phí, gửi về ông :

NGUYỄN - MẠNH - BỒNG
97, phố Hàng Bông - Hà Nội



THUỐC KHÍ HƯ
Cảm sốt, nhức đầu, đau xương
đau mình, rở con người lớn
chỉ uống một gói THUỐC KHÍ HƯ
Tân hiệu phát 12 tay giá 0\$10, 5
phút ra mồ hôi khô hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ
Các bà bị bệnh ra khí hư (sích
bạch đới) uống đủ các thứ
thuốc không khỏi, chỉ dùng một
hộp thuốc KHÍ HƯ Hồng Khê số
60 giá 1\$ uống trong, và một
hộp thuốc Ninh Khôn Hoàn
Hồng Khê giá 0\$50 đổ vào cửa
mồ nh là khỏi rứt. Trăm người
chữa theo cách này khỏi cả trăm.

DIỀU KINH DƯỠNG HUYỆC
Các bà các cô kinh không đều
màu sẫm uống thuốc Diều kinh
dưỡng huyết Hồng Khê (0\$30
một hộp) kinh đều huyết tốt
ngay.

THUỐC CẢI HỒNG KHÊ
Không chọn lần chất thuốc phiện
(nhà đoàn đả phu chất, nên ai
cải cũng có thể bỏ hẳn được,
mỗi ngày chỉ một đồng bạc
thuốc phiện, chỉ uống hết 1p 20
thuốc cải là đủ vẫn đi làm việc
như thường, thuốc viên 5p 50
mỗi hộp, thuốc nước 1p.00 một
chai

THUỐC PHONG LINH HỒNG KHÊ
Giấy thép buộc ngang gối
Thuốc Hồng - Khê chữa bệnh
lông lợ
Hai căn sấm này, ngày nay
quá thấy nguy hiểm, vì hệ ai
bị lâu không chữa mới hay kinh
niệm uống thuốc Diều kinh
số 30, mỗi hộp 0\$60 cũng rút
nọc, ai bị bệnh giang mai không
cứ về thời kỳ từ này, mới hay
đã nhập cổ rồi, uống thuốc
giang mai số 14 cũng khỏi rút nọc
mỗi cách em đêm, không hại
sinh dục, nên khắp nơi dân đều
cũng b ết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ
Đã được thưởng nhiều Bội tinh
vàng bạc và bằng cấp

Tổng cơ 75 hàng Bô, chi nhánh
88 Phố Huế Hanoi và đại lý các
nơi. Có biên sách GIẤY ĐINH Y
DƯỢC và HOA - NGUYỄN CẨM
NANG về phong thần và trị bệnh

Tề Thiên Đại Thánh Hi Lạp

TỜ-NGỘ-KHÔNG dịch thuật
Tranh vẽ của MANH-QUYNH



Hercule phá Nương-tử-bình

Eurythée sai Hercule đem ngựa
của vua O'mède xứ Thrace về.
Hercule đã đáp tàu đi Thrace. Ngựa
của vua xứ này dữ tợn lắm, ăn toàn
thịt người. Vốn là một ông vua tàn-
bạo, O'mède có khi sai vật những
người ngoại-quốc để nhập nư-
ớc; ông, cho ngựa xâu-xé ăn thịt. Ngựa
già mà dữ tợn chẳng khác gì hùm
beo lúc đi. O'mède từ chối không
giao ngựa, Hercule phát cáu giận
lên và quăng xác cho ngựa ăn
thịt. Đạn dưng-sĩ đem ngựa lên
tàu chở về nước. Vua Eurythée
sai thả ngựa vào rừng cho thú dữ
ăn thịt.

Đoạn, bạo-chúa lại ra lệnh cho
Hercule khắc-phục hơn Nương-tử-
quân Amazones, để chiếm lấy
nước-đới.

Dân Amazones là một dân-tộc
phụ-nữ chuyên cướp ngựa, đi trần
và đánh trần con đực chẳng khác
gi những bực anh hùng. Nữ chúa
của họ tên là Hippolyte, có một
chiếc đai vàng ngọc, do Hổc-

Tứ Tinh-quân ban tặng. Bạo chúa
Eurythée nghe nói đến chiếc ngọc
đới đó, muốn đoạt lấy cho con gái
mình là công chúa Admète, bèn
sai Hercule đi. Hercule bá-cáo khắp
nước Hi-lạp rằng chàng sắp khởi
binh đánh Nương-tử-ky-mã-quân.
yết-băng chiến hiện, phàm là người
can-dam nên cùng chàng xuất đầu
lộ diện.

Anh-hùng dũng-sĩ trong thiên-
vũ đi theo chàng khi đồng. Tới xứ
Amazones, Hercule cho nữ chúa
Hippolyte biết lai ý của mình,
phụng chỉ bạo chúa Eurythée đến
câu dai ngọc. Hippolyte biết rằng
vì theo lệnh Thái-dương Tinh-quân
(Apollon) mà dũng-sĩ Hercule phải
phụ-vợ sự bạo chúa. Nàng sẵn lòng
cổng-người giao cho chàng. Nhưng
bọn Nương-tử-quân nhất định
không nghe đòi giao chiến với
quân của dũng-sĩ.

Một cuộc giao chiến kịch-liệt xảy
ra, làm kinh-dộng cả trời đất. Quân
Amazones đi ngựa ra trận, quân
Hercule thì đi đất. Nếu không có
Hercule, thì phần thắng tất về bọn
Nương-tử-quân. Hercule bắt sống
được nữ chúa Hippolyte, cỡi lấy
dai ngọc, rồi thả nàng về, không
xử điều gì bạo ngược với quân
Nương-tử.

Giết thủy-quái, cứu cồng-chúa

Đoạn dũng-sĩ đáp tàu về Hy-lạp.
Tàu bị neo gần thành Troie, chẳng
lên bờ và đi vào thành. Bảy giờ
vua Laomédon làm vua tại thành
Troie.

Vua trần này giàu mạnh lắm,
những đã khiến Thái-dương Tinh-
quân và Bát-Hải Long-Vân bắt
bình nên trong nước thường xảy
ra nhiều kiếp-nạn.

Chuyện do nguyên do như sau.
này: Troie là một thành phố lớn
nhưng không có thành từ kiên-cố.
Thái-dương Tinh-quân và Bát-Hải
Long-vương (Neptune) đến yết-
kiếu Laomédon và điều-định xây
thành phố, để phòng nguy địch, và
xin nhà vua một số tiền công. Sau
khi điều-định, Thái-dương Tinh-
quân và Bát-Hải Long-Vương hiệp
lực xây quanh thành Troie một dải
tường thành cao chót-vót, bằng
toàn những mảnh đá núi, kiên-cố
vô cùng.

Xong việc, nhà vua không trả
tiền công đúng lời hẹn, tưởng rằng
đó là hai người thợ nề phàm-phu.
Dù hai người thợ ấy là những kẻ
anh kỳ, nhà vua cũng không sợ
nữa, vì đã có thành cao hào sâu. Vì
thế nhà vua định quật tiền công.
Các vị thiên-thần có cốt lấy tiền
công đất. Các ngài chỉ định thử
xem tâm địa của vua Laomédon
thành-thực được chừng nào, là
thời.

Thấy tâm địa nhà vua tồi như
vậy Bát-Hải Long-Vương lấy làm
căm giận lắm, sai một con thủy-



mở máy chạy, chạy mau, mãi...
không có ông nội chết thì máy sẽ
chết trước ông nội mấy da 1\$

Và cái xe mở máy kêu sinh sịch.
Bốn bánh bắt đầu quay. Bà vợ
vừa bị ngã đánh sầm trên mặt đất
chẳng lẽ lại chịu thua đứa thất
phụ, nhảy ba bước ra chỗ cái xe hơi
mở máy gẩy ngay lấy xe lại và, y
như một nhân viên ban xiếc nào
đó, bà nghiêng mình nghiêng loi lấy
gân bấm chặt lấy cái ô-tô khổng
lớn nhất định không cho chạy.

Trên xe, ông chống cừ ra hiệu
bảo tài xế cho xe chạy bừa đi.

— Ôi trời! Ơi cha ôi, Ơi mẹ ôi,
thằng Tin kia mày đánh tằm lại ta
cho ta chết đó sao. Nếu mà mày
muốn thế, mày cứ cho xe hơi chạy
ta sẽ chết phút cho mày coi da, a,
xướng âm cung ta sẽ kiện mày cho
mày chết mấy khổ mấy đời, mày
đi, nghe!

Ôi! nói lời mà! cái lối đàn bà
hư văn thế nọ dọa ta thử xem ta có
nhát gan đó mà thôi, ai còn le mà
dễ ý cho mất thì giờ vô ích.

Cũng như trăm nghìn những
người trẻ tuổi chơi bời khác, ông
chưa hiểu cho những lời của mẹ
vợ chỉ là lời đi dọa hã, cứ thục
tải sẽ vận bừa đi. Một người đàn
bà không giữ xe lại được, hai
người đàn bà không giữ xe lại
được... thế rồi tất cả bốn người
đều không giữ xe lại được, đánh
bỏ dây cho;

Một mẹ trong cũi hồng trần trắng
đang.

Tuy vậy, ông chủ hiệu của chúng
a cũng không hẳn là một người
nhân tâm. Xe chạy được một quãng
rồi, ông cũng đoán tình quay lại
nhìn xem sự tình ra thế nào thì
trời ơi, trong đám bụi hồng, con
sư từ cái cửa ông nhất định không
chịn kém cừ ra sức đuổi cái xe tằm
ngựa.

Sư-tử đuổi ngựa, bà, cái trò chơi
ngoan mục da. Giảng chừng con
sư từ ấy là con sư từ ốm nên mới
lúc sức nó yếu dần đi, nó không
chạy được nữa, nó nhẹ nhàng g'ơ
vuốt găm lên vang cá phở:

— Á, mày nhất định chạy có
phải không? Ta quyết chết cho rồi,
đời mi sẽ ăn hận mãi, đồ bạc bẽo!

Đến đây, bắt đầu đến đoạn bí đất
nhất của tấn kịch ghen này. Cái mà
người ta tưởng là lời đe dọa, bà sư
từ cái của chúng ta đem thực hành
ngay tại trời.

Tôm! một người gieo mình từ
trên bờ nhảy xuống dòng sông.

Cái xe ô-tô quanh lại. Ông chủ
hiệu thuê người vớt xác. Bà sư-tử
không chết. Người chết hồm đó,
vàng, thura các ngài đoán đúng,
không phải là bà, nhưng chính là
ông chồng khôn nạn của chúng ta,
chết điên chết dưng, chết khổ chết
số, chết đi sống lại ở dưới lòng
con ác thú khi tức giận, khi đã
ghen tuông đến cực điểm.

Thối, có nhắc đến mà mừng mình.
con cau dăm dăm mà ngồi là được
cái cạnh sát nhận vô đạo kiêu đó.

(Còn nữa)

quái ngày ngày vượt biển lên ăn thịt người, vật, đến nỗi không ai dám ra khỏi thành nữa.

Ruộng đất bỏ hoang Nhân dân chẳng bao lâu lâm vào cảnh đói kém khổ sở. Dân thành Troie định nổi lên giết vua, là người đã gây ra bao nhiêu tai nạn lớn dần cho họ. Nhưng vua bèn sai người đi cầu thần xin quẻ, xem làm cách nào để thủy quái khỏi lên tác hại nhân dân. Thần ứng cho phán rằng chỉ có cách đem trói công-chúa Hésione vào mồm đá ở bờ biển. Ăn thịt công-chúa xong, thì thủy-quái sẽ biến mất, không bao giờ trở lại.

Hercule đến nơi và gặp lúc công-chúa sắp bị trói giải ra bờ biển. Dũng sĩ vào tàu vua rằng không phải đem công-chúa làm mồi cho thủy-quái, cứ để chàng đi thả thủy-quái, từ hai giùm dân Troie. Chàng yêu cầu rằng gặt xong thủy-quái, nhà vua phải tặng chàng mấy con ngựa mã, là ngựa của Ngạc-hoàng Thượng để bèn trả cho nhà vua. Laomedon nhận lời. Hercule bèn bắt dân chúng vào thành để một mình chàng đứng cạnh công chúa.

Thủy-quái ở dưới biển toan ăn thịt công-chúa, thì bị Hercule xông lại giết chết. Rồi chàng đem công-chúa về trả nhà vua để lĩnh thưởng. Nhà vua không giữ lời hứa. Hercule căm tức lắm, nhưng vì chưa làm tròn công vụ, chàng không muốn khởi binh đánh vua. Chàng chỉ cho nhà vua biết rằng sau này chàng sẽ trừng phạt người quên lời hứa.

Bấy giờ chàng mới về Tyrinthe dâng ngọc-dối cho hôn-quân.

Hercule bắt nạt trời

Gần nước Tây-ban-nha có một bãi đảo, nay là thành Lad x. Bấy giờ là đảo Erythie, nhưng chưa lập thành tỉnh thành. Chỉ có những cánh đồng có hạt ngàn, dùng làm hơi thở cho của vua Geryon. Dân đó đẹp tuyệt và toàn là bò đỏ. Con chó gác bờ tên chó Orthus, có hai đầu.

Nó khỏe lắm, có thể đánh ngã hai con chó sói một lượt. Vua Geryon là một dị-nhân: ba đầu, sáu tay, sáu chân. Dù giết được chó gác Orthus, cũng khó lòng mà lấy



trộm được bò. Vì vậy bạo chúa sai Hercule đi lấy trộm bò của vua Geryon, tưởng rằng đến đây là chàng phải chết.

Hercule đi có một mình, đem theo cung tên và một cái gậy lớn. Qua xứ Libye trở nên bức không thể tả được. Hercule phát câu vói thần mặt trời, cho xe lửa đi gần trái đất quá. Hercule bảo thần Hélios (mặt Trời) đi về xa ra, đừng thiếu đột như vậy. Hélios cười lên một tiếng to, đáp rằng đó là đường đi của mình. Hercule càng tức giận già. Chàng giương cung bắn thần Hélios. Bấy giờ Hercule vẫn chỉ là một người phạm trần, nên không thể thắng nổi một vị thiên thần. Thấy Hercule anh dũng thần cũng lấy làm khen, khuyên chàng đừng hốt giận, và cho chàng mượn cả chiếc thuyền vàng của thần để chàng vượt biển sang đảo Erythie.

Vi giũa Libye và châu Âu có một lối biển. Hai bên bờ để điện có hai quả núi cao, nay vẫn mang tên là cột Hercule. Trong khi chàng vượt biển, Hải-Thần muốn thử chàng liền nổi lên một cơn phong-bão bão táp Hercule giương cung. Hải-thần sợ hãi vội dẹp yên sóng biển.

Lên đảo Erythie, Hercule giết con chó ngao và người chăn bò Earython. Vì Euryhion tàn ác lắm, hẳn thường vắt xác người cho bò ăn.

— Rồi chàng dắt đàn bò đi. Vua Geryon, ba đầu sáu tay đứng tin vọt ra giao chiến với dũng-sĩ nhưng chẳng may bị dũng-sĩ bắn tên trúng, thìệt mạng tại trận.

Phun ra lửa thờ ra chó

Hercule dắt bò qua nước Tây-ban-nha và xứ Liguria. Dân xứ này họp tập lại hàng ngàn người để cướp bò, và ném tên ném đá vào dũng-sĩ. Tên nào tới gần là bị thiết mạng dưới cái gậy lớn của dũng-sĩ. Biết thế chúng đứng ở xa, ném đá vào dũng-sĩ. Dũng-sĩ có bản lĩnh cự địch. Chúng nó đông quá, thành ra chẳng bao lâu dũng-sĩ cạn hết tên. Nén đức Ngạc-hoàng (Jupiter) là thần phụ chàng không phủ hồ cho, thì có lẽ chàng bị bại dưới số đông hơn dồn đó. Ngạc-hoàng làm một trận mưa lớn rồi xuống toàn đá là đá. Đá trúng đầu dân Ligures, nhiều anh bị chết bẹp. Hercule lại nhất đá ném lại bọn chúng như mưa.

Tới nay, lại nước Pháp vẫn còn cánh đồng-bằng toàn đá ấy. Cảnh đồng bằng ấy ở xứ Provence, gọi là cánh đồng Cran.

Bánh ai bọn cướp đường, Hercule vượt núi Alpes tự vạch lấy một lối đi qua đăm tuyết, giắt bó đến bờ sông Tibre, ở chỗ có thành La-mã bây giờ.

Thời ấy, chỗ đó chưa có thành thị nào hết, chỉ là một cánh đồng hoang. Tại chân núi Aventin hồi ấy có một cái hang. Trong hang có một con quỉ khổng-lô tên là Cacus. Một con quỉ rất đáng sợ. Vì nó phun lửa ra miệng ra mũi, làm tại hại cả một vùng. Ban đêm lửa lúc Hercule ngủ say, nó đến lấy trộm mấy con bò đẹp nhất. Nó không ngaoan lắm. Muốn cho Hercule không thể theo lối chân bò, do tung-tịch kẻ trộm, nó kéo đuôi bò, bắt bò đi đặt lại, định làm cho



Hercule tưởng rằng bò ở trong hang ra, chứ không phải vào hang.

Không tìm đàn dê thấy, Hercule đành đem đàn bò đi. Bè qua chân núi Aventin, một con bò của Hercule kêu rống lên. Mấy con bò bị nhốt trong hang này cũng rống lên đáp lại. Cacus đã lấy những tảng đá lớn lấp cửa hang. Hercule nhắc từng tảng đá ra. Con quỉ không thể nào trốn được, cùng thế đánh ra chẳng bao lâu dũng-sĩ cạn hết tên. Nén đức Ngạc-hoàng (Jupiter) là thần phụ chàng không phủ hồ cho, thì có lẽ chàng bị bại dưới số đông hơn dồn đó. Ngạc-hoàng làm một trận mưa lớn rồi xuống toàn đá là đá. Đá trúng đầu dân Ligures, nhiều anh bị chết bẹp. Hercule lại nhất đá ném lại bọn chúng như mưa.

Về gần tới Tiryen, đang đi trên con đường độ-dạo chật hẹp, dưới chân núi treo leo ven biển, thỉnh thoảng quỉ quái-nhân tên là Alcyonée cầm một tảng đá lớn ném vào Hercule. Tang da này già đi lên xe, thì phải 80 con trâu ngựa mới kéo nổi. Hercule đứng thối thế, gờ gẩy lên đỡ. Tảng đá bắn ra mọi bên. Ngay nay tảng đá ấy vẫn còn nguyên vẹn. Hôm sau, Hercule ở Tiryen thì đang bảo-chùa đầu bò, mà dũng-sĩ đã phải trả báo nhiều ngay-hiem mới đem về được.

Làm xong cái công việc thứ 10, Hercule lại phụng mệnh Eurys hể đi lấy tảo tiên. Khi Ngạc-hoàng Thượng-đế kết hôn với thiên hậu Junon, thiên-hậu tặng Ngạc-hoàng mấy trái táo vàng. Ngạc-hoàng sai trông xuống đất trong vườn ươm. Tiên-nữ coi vườn là ba người cháu gái A las, tên gọi chung là Hespérides. Táo vàng mọc vậy. Cây sinh ra táo vàng sai lúc-lưu. Thước vàng nhiều người nhờ nước miếng muốn vào lấy trộm, nên các tiên-nữ phải ngày đêm coi vườn lấy. Các nàng lại nói thêm một con thiu-long trăm đầu để giữ táo vàng. Hercule không hiểu vườn tiên ở đâu, phải lặn ngòi nơi nước, rỗng pha tìm kiếm mãi mới tới nơi.

Đọc đường, dũng-sĩ gặp dũng-sĩ Anée là con trai của thần Trái-dất, tức thần Địa-mẫu, sự khác khác thường, gặp ai cũng sống vào đánh giết, gặp người khỏe hơn, đánh Anée ngã xuống đất thì chàng lại đứng dậy khỏe sức thêm vì thần-màn chàng là Địa-mẫu tiếp thêm sức khỏe cho chàng mỗi khi chàng đụng tới đất. Còn dũng-sĩ Antée,

Người mới chỉ dục BÁO MỚI

thì mỗi khi chàng đánh ngã được kẻ thù là chàng giết liền. Hercule nhận biết rằng mỗi khi Antée ngã xuống đất, chàng lại khỏe thêm, nên không đánh ngã chàng nữa. Hercule nhắc bổng chàng lên không, không cho đầu ngón chân chàng được xuống đất, rồi bóp thật mạnh, khiến Antée ngạt hơi chết thảng.

Sau đó, chàng sang Ai-cập, tìm vua Busiris là ông vua có tính đem giết người ngoại quốc để tế thần. Hercule tự trói tay mình và tự quăng bằng quanh đầu để người ta dắt ra trước bàn thờ thần. Người ta đổ muối và bột lên đầu chàng. Chàng lạng-lm, khi các thần lén cầm dao chọc đâm cổ họng chàng, chàng liền dứt đứt giây trói ra, giết chết các thầy tu và vua Busiris hung-ác.

Hercule đã lớn, chàng khỏe sức lắm. Và ăn cũng bất thường chỉ thỉnh. Một hôm đi đường đói bụng, chàng gặp một người nhà quê đang cấy với hai con bò. Hercule đến xin ăn. Người nhà quê cự-luyệt. Phạt cày, chàng liền đuổi đánh người thợ cấy, cỡi bò ba, vật ngã một con, đập cày ra dóm lửa thui và quay bỏ rồi ăn một lúc hết nhẵn cả.

Hercule ghé vai đỡ bầu trời

Đoạn Hercule tới núi Caucasus. Núi này cao lắm ở phía đối-diện với phương Đông. Trên sườn núi

treo-leo, hiểm-trở, Ngạc-hoàng đã sai Hỏa-thiên-thần-vương (Volcain) đóng đinh trời Prométhée là một người anh em của dũng-sĩ Atlas, bị phạt về tội lấy đất nặn thành người và lên Thiên-cung lấy trộm thiên-hỏa về để làm cho người mình nặn ra có hơi có sức. Ngày ngày, có một con ác-đều đi n mọi lưng khúc ruột của Prométhée ra ăn. Hercule giương cung bắn ác-đều và xin vua cha Ngạc-hoàng thả tội cho Prométhée. Vua cha Ngạc-hoàng. Thế là Prométhée được tự-do trở về núi Olympe, tự hội cùng bách linh liệt thần.

Xong: Hercule đi thăm Atlas. Atlas đứng vững mình ở địa-trái đất, ghé vai đỡ bầu trời, để trời khỏi sa xuống đất. Atlas là bá-phụ các tiên-nữ Hespérides. Hercule cậy Atlas làm con đến báo các cháu cho mình mấy quả táo vàng, không phải là Hercule sự-thần-lông-l Hercules có thể giết phăng con thần-lông 100 đầu đi. Song chàng không muốn lấy cướp đầu của tiên-nữ.

Atlas liền để hẳn trời lên vai Hercule, nhanh nhẹn chạy đi tìm các cháu gái. Các tiên-nữ bằng lòng đưa ba trái táo vàng cho bá-phụ và dặn nếu Hercule bằng lòng trả lại, thì Atlas hãy đưa cho chàng. Vì các tiên-nữ đều biết rằng dũng-sĩ vốn là một người trọng lời hứa.

Được lấy thành-thời, Atlas định phò-thác bầu trời cho Hercule nói để mình đem táo về dâng báo-chúa. Nhưng Hercule đã thấy đau dữ cả vai, không chịu nghe thế. Chàng phải dọa rằng nếu Atlas không đỡ lấy trời thì chàng sẽ quăng trời xuống đất, bấy giờ mới trút được gánh nặng trên vai. Hercule đem táo vàng về dâng Eurysthée và sau rằng chàng đã hứa xem xong sẽ đem trả tiên-nữ.

Eurysthée ý muốn giữ lại không trả, nhưng lại sợ Ngạc-hoàng sai Hercule trị mình nên đành phải bầm bực trả lại táo tiên. Hercule đem táo gửi công-chúa Minerve là thần coi về mỹ-thuật đem trả các nàng tiên giúp mình.

Thế là Hercule đã làm xong mười một công quả.

(Còn nữa)

TÔN-NGO-KHÔNG dịch thuật.

ESSENCE
**Térébenthine
Colophane**
gây đi khắp nơi, rất nhanh chóng
NƠI NHÀ SẢN-XUẤT:
Song - Mao
101, Rue de Canton, Haiphong, Tái, 141

Những gai lạ thường

của HỒNG PHONG
TRUYỆN II

Người cầm thiên tài

Hai người ấy là ai?

Khách-ca là lòng nhĩ, nhất định chịu chết hay sao, quan tòa hỏi gì cũng không khai?

— Còn phải khai gì nữa, chính và là thủ-phạm hẳn chết bác-sĩ Đa-âu chứ ai! Lệ gì làm kẻ đã gian lận ngoan, khéo làm búp mở bí-mật, để gieo mối nghi hoặc vào trong trí-não quan tòa, cầu may nhệ bớt hình-phạt.

— Nhưng xem thái-độ Khách-ca cứng cỏi, một hai bảo mình vô tội kia mà.

— Thế sao những điều hệ-trọng tòa hỏi, và lại giấu kín, chẳng chịu nói ra? Một người cầm bành vực cái thủ-cấp mình kéo rơi, còn giữ bí-mật nói gì không biết.

Không chừng và có những ân-tình chưa muốn nói ra, hoặc có những lý-do không muốn bộc-bạch, nhưng thế nào rồi sự thật cũng bị lộ trối.....

Ấy là cảm-tưởng chung của những người đi xem luận mấy phiên tòa Đại-hình xét xử vụ ám-sát bác-sĩ Đa-âu mà chưa ra mạnh nổi gì cả.

Vì có mấy điều rất quan-hệ, lại chính là mấy điều bị-cáo giữ kín làm thinh, không chịu khai thật. Chỉ một niềm khảng-khăng nói mình vô tội!

— Tôi không hề giết Đa-âu, chính hẳn tự-tử đây.

Nhưng tòa hỏi vặn lại: một người đang trai trẻ, giàu có, danh-vọng lẫy lừng như thế, có sao bỗng-dưng tự-tử; bị-cáo chỉ đây:

— Nào tôi biết đàn!

Suốt tám tháng bị giam, bị-cáo đã ngậm miệng ở phòng duy-thầm, háy giờ ra trước tòa Đại-hình cũng thế. Thành ra việc xét xử có chỗ khó khăn.

Nhưng quan tòa xử án lần đầu cũng may mắn như có thợ dệt kéo tơ: tình tình nắm được đầu mối, thì cả cuộn rối rơi vô có thể gỡ tung ra ngay.

Buổi sáng hôm ấy, cụ quân-gia của bác-sĩ Đa-âu (Ganther Drax) vừa ra phố chốc lát trở về, thấy một cảnh-tượng hãi-hùng bày ra trước mắt, làm cụ run sợ và kêu rú lên: ông chủ nam sàng-sượt ở giữa văn-phòng, ngực bị một viên đạn bắn thủng đến trái tim, đã tắt thở rồi.

Ông tự-tử chăng?

Hay là bị ai ám-sát?

Vụ án-mạng này xôn xao kinh-ngạc của tỉnh-thành

Lai-dịch (Leipzig) và học-giới nước Đức.

Vì người bất-hạnh mới có 31 tuổi, đồ bác-sĩ, hiện làm giáo-sư về khoa chánh-trị kì-h-sở ở trường Đại-học bản-địa. Nhà giàu, tuổi trẻ, tướng mạo khôi-ngộ, chưa có vợ. Người ta bảo ông ham học-thuật nghiên-cứ, đến nỗi chừng ấy tuổi mà vẫn ở độc-thần. Trong nhà chỉ có một thầy một lễ. Chợt xảy việc nhà, một cụ mẹ cụ già quán-xuyến, trong khi ông chủ cặm-cui với đèn văn án sách.

Ông lại nổi tiếng một nhà bác-học, vì mấy quyển sách mới xuất-bản, nói về vấn đề tiên-tệ và lý-tài, khiến những người cụ-phách trong giới khoa-học và kinh-tế phải kinh phục, ngợi khen. Ai cũng tin rằng thiên-tài của ông còn đi xa bay bổng chưa biết đến đâu, và sẽ cống-hiến cho nhân-loại nhiều điều lợi ích, mới lạ. Bởi vậy, ai nghe ông chết cũng động lòng thương tiếc vô cùng; thương tiếc học-giới rơi mất một ngôi sao sáng.

Nhiều môn-đề ông, thương tiếc thầy quá, vật mình khóc rống.

Có điều chắc chắn, không phải một vụ giết người cướp của. Chứng cứ là cánh cửa tủ sắt tuy mở, nhưng tiền bạc để trong hòm vàng, bình như không hề suy chuyển. Duy có một tập thơ-từ mà cụ quân-gia để y từ mấy hôm trước, và một gói giẻ dấm-bảo mới nhân được ban trước, thì không thấy nữa.

Nhưng thơ-từ gì thế? Hay là chỉ vì có dấy mà hung-thủ đã giết bác-sĩ chăng?

Hôm sau, Khách-ca (Kasack) bị bắt. Nhà chuyên-trách tin Khách-ca chính là hung-thủ. Cụ quân-gia khai rằng buổi sáng hôm ấy, Khách-ca đến thăm bác-sĩ, chính cụ ra mở cửa mời vào, nghe hai người nói chuyện với nhau, rồi cụ mới đi chợ. Đến lúc trở về, không thấy khách đâu, còn ông chủ thì bị bắn thủng ngực, chết rồi.

Tuy vậy, sự bắt Khách-ca cũng làm xôn xao dư-luận chẳng vừa. Chẳng là một nhà nghệ-thuật đại-tài, đang có danh-vọng to ở kịch-trường, cũng như bác-sĩ Đa-âu trong học-giới. Tiếng hát du-dương, tài-tử, chàng hát ở đại-bí-viện Lai-dịch trái chín tháng này, được công chúng yêu mến hoan hô nhiệt-liệt, lương bổng rất cao, tự-cách đứng đắn, lại có học-thức linh lợi, trong làng xã-giáo, ai cũng quý hóa. Một nhân-vật như thế, mà bảo là hung-thủ, người ta không thể nào tin. Huống chi, bình-nhật

chàng với bác-sĩ vốn là bạn quen, thường tới lui gặp gỡ nhau luận, chẳng ai hề nghe thấy hai người có điều tiếng xích-mịch gì, nhất dấn nghi chàng giết bạn, thật là vô nghĩa.

Song, cứ cái trường-hợp mới nói trên kia, Khách-ca có thể bị nghi là hung-thủ được lắm. Cho nên chàng phải bị bắt, và sau tám tháng giam cầm lấy cung, mấy hôm nay ra tòa Đại-hình.

Theo lời chàng khai giữa tòa, trước cùng bác-sĩ Đa-âu là anh em đồng-song, từ trung-học lên tới đại-học. Về sau mỗi người thành đạt một cách, theo đuổi một nghề, hai dạng xa nhau, đến giờ mới trùng-phùng ở xã-hội Lai-dịch đó chín tháng này.

Lúc còn đồng-học, chẳng ghét Đa-âu là gì. Chẳng những ghét thôi, ại khinh-bí nữa. Tự chàng cũng không hiểu vì lẽ gì, nhưng bề cư-trong thấy mặt, thậm-chi nghe tiếng nói, là sinh lòng ghét. Mặc kệ Đa-âu ngày nay đã trở nên một người danh-vọng, tầm lòng chàng khinh ghét vẫn còn khảng khít như cũ. Đến nỗi không muốn gặp bộ mặt ấy, nói chuyện với con người ấy, trừ ra khi nào có một lý-do một công việc không thể dưng.

Tuy nhiên (Khách-ca nói), không phải vì tôi khinh ghét hẳn mà bảo được rằng tôi giết hắn dần. Thưa quan tòa, chính Đa-âu tự giết lấy mình.

— Trước mắt anh thấy?

— Vâng, nhưng khi ấy tôi đứng bên cạnh cửa sổ, cách xa, dù có muốn chạy lại dằng lấy khẩu súng cũng không sao kịp.

— Cái gói thơ-từ trong tủ mà anh đã lấy đi, là những thơ từ gì?

— Tôi không thể nói được.

Hắn là thơ trai gái, anh lấy để làm cho phi-tang đi? Nhiều người chứng đã khai mấy lần trông thấy anh với Đa-âu cùng đi với một cô thiếu-nữ, vậy có ấy là ai?

— Thưa, tôi cũng không thể nói.

— Lệ thay! một hai anh bảo anh vô tội mà cũng giấu-giếm pháp-luật như thế sao được! Xem trong hồ-sơ, thấy một bức thư gửi đến cho anh sau khi anh bị bắt được mấy hôm, để tôi đọc cho anh nghe:

« Kính ông Khách-ca quý hóa,

« Mạc-Văn bảo tôi viết thư nói để ông biết rằng: « Ông không nên quá bận lòng giấu giếm về tư-tích « nó. Nếu sự thể bất buộc ông cần phải khai ra để bảo « chữa lấy mình trong vụ án tình nghi ám sát Đa-âu, « thì ông cứ việc khai, đừng ngại.

Lê-sa-Bích

Xem ngoài phong-bì tuy không có niên hiệu và địa-chỉ người gửi, nhưng giấu nhà đây thép đóng thì thấy rõ chữ Ty-rôn (Tyrol).

Các ông bồi-thẩm chuyên tay nhau xem kỹ bức thư, bàn tán xôn xao, có ý lấy làm lạ. Quan chưởng-lý trình trọng hỏi Khách-ca:

— Tôi muốn hỏi bị cáo cho biết Mạc-Văn với Lê-sa-Bích, hai người ấy là ai? Nhất là Mạc-Văn có dính dáng xa gần gì về cái chết của bác-sĩ Đa-âu không?

— Thưa có, Khách-ca trả lời. Nhưng chỉ dính dáng một cách gián-tiếp thế thôi. Về chuyện này, tôi cũng không thể nào khai được nhiều hơn. Tôi chỉ biết rằng tôi không hề bán chết bác-sĩ Đa-âu.

Thì ra mấy điều quan hệ cho vụ án, quan tòa ghen hỏi các gì, Khách-ca cũng giữ bí-mật không chịu nói rõ.

Vì chàng cứng cỏi, nghĩ mình oan uổng, vô tội, nếu có thể mình oan cho mình mà chẳng cần khai những sự bí-mật kia ra, tất chàng ngậm miệng đến cùng. Nhưng chàng đã có chủ định khi nào cần kíp lắm, chỉ phiên hai bị cáo em Lê-sa-bích và Mạc-Văn ra trước vành móng ngựa một phen, là đủ lộ trần sự thật và đánh ngã cáo trạng của quan chưởng-lý để dằng như bởn.

Cách bài phiên tòa sau, quá nhiên trạng-sự của chàng thấy đã đến lúc đánh dây thép thời anh Lê Mạc đến Lai-dịch làm chứng họ. Đồng thời, hai bị cáo cũng nhận được trật đòi hầu tòa, vì sở cảnh-sát đã khám ra tung tích.

(con nữa)

CỬU LONG HOÀN
lành cho
Ăn ngon
Mau lại sức.
EM RẤT VUI MỪNG

1 viên Cửu Long Hoàn bằng 10 thang thuốc bổ

TỔNG PHÂN HÀNH TO. N. X. BẮC KỲ. AI LẠO VÀ MIỀN. ÁC. TRUNG KỲ
Établissements VẠN-HÓA — 8 Hàng Ngang, Hanoi
Có bán thuốc VẠN-HÓA danh tiếng chữa bệnh liệt-dương. Thuốc cho đàn ông và đàn bà khác nhau

TRÉBITSCH LINCOLN

MỘT NHÂN-VẬT KỲ-DỊ NHẤT THẾ-KỲ NÀY

Trước làm nhà lý-ái, sau làm Thượng-hư, rồi làm trình-thám cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

Một người truyền-giao người Âu lại giúp ích cho dân Tàu, trong lúc chiến-tranh Lão-lương Phùng-ngọc-Tường và Hành-chánh-viện-trưng Trưng-Hoa là Khổng-tướng-Hy đã định làm lễ truy-diệu Lôi-minh-Viên thật long-trọng vào ngày 29 Novembre này.

chàng dạy mấy đứa trẻ con nhà giàu học làm kẻ đồ thân và theo học.

Nhưng chỉ vài tháng sau, chàng thay đổi chí-hướng. Chàng định bỏ trường để xông vào đời kiếm tiền, làm giàu và sống cho vui sướng.

Chàng đương chờ một dịp may, thì may-mắn lắm sao, dịp may ấy tới.

Một một người học trò của chàng hết sức chú-ý đến chàng. Chàng tự là một nhà đại-hương người Anh, hiện đương bận việc buôn bán giao-dịch tại Luân-đôn.

Được nơi nương-tạ, chàng thanh-niên Do-thái quyết chí ra đời, và định cũng sang Anh, doanh-nghiệp.

Chàng bèn tự học lấy tiếng Anh, Chàng vốn thông-minh lại chuyên-cần nên chỉ trong vài tháng đã nói chuyện được bằng tiếng Anh, thạo như một người Anh. Sau đó ít lâu, do nhà đại-hương Anh giới-thiệu, chàng liền từ-biệt Budapest đi Luân-đôn.

Bấy giờ vào thời hoàng-hậu Victoria, công việc làm ăn ở Anh rất đê. Dành-dụm được một ít tiền, Trébitsch cũng bắt chước bọn đầu-cơ « chơi ngân-thị ».

Là một tay non-mỡ, những « nước bạc » của chàng chẳng được bao cho lắm : chàng thường thất-bại hơn là đắc-thắng. Nhưng do đó chàng quen biết giao-thiệp rộng thêm ra nhiều.

Hầu hết các nhà lý-tải lớn ở Luân-đôn đều biết mặt biết tên chàng. Chàng khéo ăn ở theo phong-tục Anh quá, đến nỗi cứ nghe chàng nói, đồ ai đoán được chàng không phải người Anh. Chàng thêm chữ Lincoln vào danh-thiệp để lẫn với người Anh.

Những nước bạc non của một người ngân vốn thường đưa đến chỗ thất-bại. Một ngày kia, Trébitsch có bao nhiêu tiền đều « nương » hết vào nước bạc « Ngân-thị ». Một người bạn thân giới-thiệu chàng với một chánh-khách, hỏi đồ rất có thể-lực trong nghị-viện Anh. Vài ngày sau, chàng vào làm thư-ký riêng cho nhà chánh-trị đó. Tuy dĩ, chàng làm việc trong bóng tối chánh-trị. Chàng quen dần và lấy làm thích. Rồi năm chàng quá 30 tuổi, chàng nuôi cái hy-vọng làm nghị-viên nước Anh.

Năm chàng 33 tuổi, đảng Bảo-thu Anh cho chàng thay mặt đảng ra ứng-cử nghị-viên một hạt nhà quê.

Cuộc tranh-cử rất gay-go. Nhưng chàng nắm phần thắng. Thế là từ-giã quê-hương có 15 năm, gã thanh-niên do-thái đã đem được vào danh-thiệp mấy chữ Hạ-ngự-viện nước Anh.

Làm Trình-thám số Intelligence Service

Vốn tính hoang-toàng, ông Nghị Trébitsch Lincoln sống như một ông Hoàng vậy. Chẳng bao lâu, chàng

mắc nợ như Chúa Chôm. Chàng định nhờ các việc đầu-cơ ở Ngân-thị để ra khỏi tình-thế hiểm-nghèo. Nhưng chàng cứ thua lỗ mãi và mắc nợ thêm.

Bị các chủ ngân-tray-tố, chàng bị cắt chức nghị-viên và không còn địa-vị gì ở trong xã-hội. Ông cựu nghị-viên ấy ngày ngày lang-lang gổ via hè kinh-thành Luân-đôn, trong đũa óc luôn luôn suy-tính. Tưởng rằng, người Do-thái thất-vọng là lắm. Đối với người ấy, không có gì là khó, không có gì là không thể làm được.

Rồi Trébitsch Lincoln xin vào làm trong ban trình-thám Intelligence Service nước Anh.

Nguyên là một nghị-viên Anh chàng chẳng còn lạ gì các guồng máy chánh-trị và lý-tải quốc-lẽ.

Thành ra, chàng là một nhà trình-thám có biệt tài. Giả lấy tư-cách là nhà du-lịch, nhà giáo-sư, nhà thể-thao, chàng đi khắp nơi nước Đức, và nước Hoa-kỳ. Cuối cùng, chàng trở về quê hương, nước Hung-ga-ri, nghiên-cứu về biên-giới miền Đông.

Làm trình thám ba nước một lúc.

Số Intelligence Service nước Anh chỉ lượng cho Trébitsch Lincoln rất hạn.

Nhưng lúc nào chàng cũng thêm tiền.

Trước hồi đại-chiến 1914-1918, số trình-thám chánh trị Anh lại phải chàng sang Đức. Lần này, chàng đến thăm bộ tham-mưu Đức và bí-mật điềa-định. Rồi chàng bán cái phương-lược tổ-chức cuộc phản-do-tham của Anh cho bộ tham-mưu quân-sự Đức. Đồng thời chàng xin biến tên làm một nhân-viên trong ban mật-thám chánh-trị nước Đức.

Trong hai năm trời, dòng dđ. Trébitsch Lincoln

vào làm con ngựa ăn hai tàu, mà cái trò chơi ngay-hiêm đó không gì tiết-lộ. Đối với Anh cũng như đối với Đức, chàng vẫn được coi là một nhân-viên tận-tâm và đặc-lực.

Nhưng một ngày kia, con mắt của số Intelligence Service mở bừng ra. Chàng liền được phái đi Hoa-kỳ để thám-thính mấy điều cần biết.

Ở Mỹ, khi lượm được những điều bí-mật, cần biết, Trébitsch Lincoln bị mật-giữ về sở mật-thám Anh, và

gửi luôn cả về sở mật-thám Đức. Tại sở mật-thám Đức, có một người của sở mật-thám Anh. Khi tiếp được mật-tin ở Mỹ, viên này liền gửi về cho sở Intelli-gence Service thành ra sở này tiếp mật-lạc được hai tin giống hệt nhau, không sai một chữ.

Người ta biết ngay rằng cựu nghị-viên Anh là một tay phân-quốc làm kiếp ngựa ăn cỏ hai tàu.

Phúc bầy mười đời, cho chàng do-loại 1 tên-trần thính-linh bùng lên. Chánh-phủ Anh hết sức yêu-cầu chánh-phủ Mỹ bắt giam và giao-trả Trébitsch Lincoln nhưng vô-hiệu. Vì chàng đã trở-thành một tay trình-thám của sở mật-thám chánh-trị Hoa-thịnh-đốn. Chánh-phủ Mỹ phái chàng đi Mỹ-tây-co tổ-chức cuộc nổi loạn ở tỉnh Mễ-tây-co và Vera-Cruz. Chàng thành công một cách vang-lừng, nhưng khi trở về Mỹ thì bị tổng-giam liền về sở mật-thám Mỹ khám phá ra rằng trong khi làm việc cho Hoa-kỳ, chàng vẫn lách-lơng và theo mệnh-lệnh của sở mật-thám chánh-trị Đức.

Làm ngoại-giao tổng-trưng chánh-phủ làm-thời nước Đức

Trébitsch Lincoln làm cách nào mà thoát được ngục-thất

Hoa-kỳ? Hay nhờ sự can-thiệp của cường-quốc nào mà được tự-do? Tôi nay sự đó, vẫn còn ở sau màn bí-mật.

Chỉ biết rằng năm 1917 người ta lại thấy chàng xuất hiện trong đại-bán-doanh của đại-tướng Ludendorff, tổng-tư-lệnh quân đội Đức.

Theo lệnh của bộ tham-mưu Đức, Trébitsch Lincoln chuyên coi về việc chế-giấy bạc Nga và Ba-lan. Trong hồi Đại-chiến, Đức đem liên những thứ giấy

MỘT NGƯỜI VIỆT-NAM KỲ QUẮC
CÓ THỂ GỌI LÀ
Trébitsch Lincoln Việt-Nam

CÁC BẠN ĐÓN XEM TRONG MỘT SỐ SAU :



Người bên áo dài thăm đứng giữa là Chiếu-không Hưu-thượng

bạc giả đó tại Nga rải-rải khắp nơi như lá tre.
Khai cuộc cách-mệnh nổi lên ở nước Đức, thì chàng do-thái g an hàng kia đi đăm không biết.

Mãi đến lúc đại-tướng Lutwitz và Kapp cùng phải hãm-hoàng rồi lên định đánh bọn dân-chủ cộng-hòa Đức, nghĩa là hai năm sau, mới thấy T. Lincoln lộ mặt ra. Do đại-tướng Ludendorff tiên-ủ, Trébitsch Lincoln được cử giữ một địa-vị trọng-tự như Ngoại-tướng trong chánh-phủ Lâm-thời.

Chính tay chàng tỏu các lời thông-cáo và tuyên-cáo cáo-chang chánh-phủ dân-chủ cộng-hòa Weimar. Việc không thành, Lincoln và Kapp phải trốn sang nước Thụy-Điển.

Vào tuần-lễ sau, các nhà chức-trách Thụy-Điển hạ-lệnh trục-mất chàng ra khỏi kinh-thành Stockholm. Chàng liền sang ở các nước miền Ba-si-đích. Tại đây đại-tướng Ludendorff và các đồ đồng của tướng Lu-witz thường đến thăm chàng và yêu-cầu chàng giúp cho công việc các hội-kín một tay, nhất là trong việc làm rối loạn nước Pháp.

Bấy giờ tại nước Pháp đang có cuộc khủng-hoàng về tài-chính. Tại đầu-cơ ở bốn góc trời đều nổi dậy, hết sức để hòng đồng phát lãn Pháp lúc ấy đang chất-chuồng như trứng sẽ lăn chày.

Bọn khủng-hoàng ở Đức và Trébitsch Lincoln định dùng lối đánh Nga và Ba-lan trước để đánh Pháp, ngoài là đánh bằng giấy bạc giả. Chàng được lệnh sang nước Hungary, là chỗ có nhiều đảng-viên khủng-hoàng Đức làm việc. Họ cho rằng Hungary là chỗ chế giấy bạc giả rất tốt. Dù Pháp biết tại Hungary có xưởng chế giấy bạc giả Pháp chẳng nữa, thì Pháp chắc cũng không sang tận đây mà bắt-bớ.

Chạy sang Tàu

Họatướng lãn.

Năm 1926, sở Mật-thám Pháp cho Chánh-phủ Hung biết rõ những hành-động âm-muội của bọn khủng-hoàng Đức. Sở Mật-thám Hung liền bắt tay vào việc.

Tất cả bọn về, tiêu giấy bạc giả đều bị bắt và tổng giam. Họ có một tên trốn thoát. Tên ấy tất nhiên là Trébitsch Lincoln. Chàng trốn sang Thổ-nhĩ-kỳ do

THÔNG-CHẾ/PÉTAİN ĐÃ-NÓI:

«Ta mong toàn-thể dân Pháp đoàn-kết lại quanh Chính-phủ mà ta chủ-tịch «trong buổi khó-khăn này, và đẹp nổi «lo-âu để chỉ vàng theo lòng tín-nhiệm «vào vận-mệnh Tổ-Quốc»

các hội-kín Đức giúp sức. Việc vẽ giả giấy bạc Pháp là việc cuối cùng của Lincoln ở Âu-châu.

Từ Thổ-nhĩ-kỳ, chàng ta chạy sang Trung-hoa. Đại-tá Bauc, người Đức, trước ở trong bộ Tham-mu tư tướng Ludendorff, bấy giờ làm cố-vấn quân-sự ở Tàu, liền tiên-cử chàng với Tướng-giới-Thạch.

Lợi-dụng thời-cơ một cách khôn-khéo, trong vài năm trời, chàng Do-thái gian-hùng đã có thể tự-phụ là nhân-vật thế-lực nhất ở Viễn-dông. Gặp lúc nước Tàu loạn-lạc, chàng làm giàu rất chóng. Người ta nói chàng có hàng mấy mươi triệu Mỹ-kim gửi các Ngân-hàng Mỹ, và chàng sống một cuộc đời Vương-giả ở Tàu, hân-nôn, vợ đẹp, chẳng thiếu thứ gì.

Cứu con khổng kịp

Năm 1933.

Thịnh-linh Trébitsch Lincoln từ-giã đất Tàu, đáp tàu về Anh. Tại đây, chàng bỏ lại một đũa con, đóng đống trong quân-đội Anh. Viên đội ấy, vừa mới giết một vô-quan, trong một cuộc cãi lộn và bị Tòa-án binh kết án tử-hình.

Vận-động được giấy miễn-ngự của chánh-phủ Anh, chàng tức tốc đáp tàu về Luân-đôn, kiếm cách cứu con.

Không may, gặp bão biển, tàu cập bến chậm mất vài ngày. Thành ra, oon người chạp trời, quấy nước, làm điên-đảo hoán-cầu, đành chịu bỏ tay trước mặt người con xấu số.

Gột đầu đi lu, nhưng tu chẳng trót đời

Chán đời, Trébitsch Lincoln trở sang Tàu, bỏ kinh-thành, bỏ lán-đài, bỏ vợ đẹp hân-nôn, bỏ cuộc đời, bỏ hết mọi sự, xuất gia đầu Phật. Tu theo đạo Lạt-ma, trong mấy năm trôi su Chiếu-không (pháp-hiệu của Trébitsch Lincoln) sống cách biệt hẳn nhân-gian ở nơi núi rừng cô-tịch, sớm khuya hầu-hạ cùng khỉ-na-kệ, cò-hoa.

Vứt đầu xuống đất, liền thành phật sống, ai chẳng tin rằng chàng Do-thái nọ là một bậc chân tu! Ngờ đâu, năm 1937, sang đại-bác Nhật vào nổ trong rừng miền Hoa-Bắc, su Chiếu-không đã quăng mồi, ném trái-bạc, từ-giã thiên-lâm.

Chàng lại ra đi như trước. Rồi sau khi xúc-tiếp với các nhà chuyên-trách Nhật, nhà sư ta liền trú ở Thiên-lâm.

Ở đây, chàng Trébitsch vẫn giữ pháp-hiệu Chiếu-không và lấy tu-cách thay tu, một ban nửa tôn-giáo nửa chánh-trị.

Kiểm duyệt bỏ

Hiller là học-trò của Trébitsch Lincoln?

Trong khi Trébitsch Lincoln báo ăn thấy tu ăn ở Thiên-Tân, thì ngày 9 Février 1938, một tờ báo Hungary-lị đăng t n rằng chàng đang sắp lên ngôi Hoàng-Đế Trung-Hoa.

Cái tin «bịp» đó thật xứng đáng với tay đại-bịp là Trébitsch Lincoln. Song tin ấy cũng chưa kỳ-dị bằng tin nói kẻ thù số một của nước Anh, nay lại ngó ý muốn quay về giúp nước Anh để đánh đổ Hitler. Sau khi cuộc chiến-tranh bùng lên ở Châu Âu năm 1939.

Một nữ-tin-đo (theo đạo Phật) của Chiếu-không Thiên-sư (tức là Trébitsch Lincoln) ở nước Ý hay nước gì ở gần nước Ý, cho hay rằng tiếp được một bức thư dài của Thiên-sư, trong đó Thiên-sư ngó ý muốn trở về Châu Âu, làm lãnh-vi với kẻ thù truyền-kiếp là nước Anh, và thu hết tàn-lực giúp Anh chống với chủ-nghĩa Quốc-xã và Cộng-sản.

Trong thư, Trébitsch Lincoln nói:

«Tôi quen Hitler từ Hitler mới hồi đã là học-trò tôi. Tôi quen cả Stalin là người tôi chống-chơi trong 15 năm.

Vì vậy, tôi rất muốn trở về Âu-châu ra tay giúp các bạn tôi là người Anh, hiền họ tài-nghệ và kinh-nghiệm của tôi (tôi biết rõ cả Á-châu), đem hơi lán của tôi chống đánh với chủ-nghĩa Quốc-xã và Cộng-sản.

Tay đại gian-hùng đó định tìm cách chuộc lại lời xưa? Hay đó chỉ là một khỏe gian-hùng của và như bao nhiêu khỏe gian-hùng khác? Vì đối với từ trước tới nay chỉ là một tấm vải dệt toàn bằng tơ giả-dối, quai-quyệt và gian-hùng.

HUY HOÀNG
thuật

Cuộc chiến tranh ở Irak hay là cuộc từ chối «vì vàng đen» ở xứ «một nghìn một đêm lẻ»

(tiếp theo trang ba)

Tuy vậy, theo đúng hợp-ước đã ký với Anh, chính phủ mới ở Irak vẫn phải để cho quân Anh đổ bộ lên Bassora để giữ các đường giao thông. Nhưng đến khi quân Anh đổ bộ lên thì Anh thì chính phủ Irak không chịu và câu chủ với Đức để chống lại Anh.

Nếu Anh để mất Irak về tay Đức, Ý không những mất cả cái kho dầu hỏa rất dồi dào ở Mossoul (mấy hôm nay bị phi cơ Anh ném bom nên dầu đã đóng cửa) mà còn mất cả con đường bộ rất quan hệ từ Ai-cập đi Ấn-độ là con đường cho quân lính của Anh ngày nay. Ngoài Đức, Ý ra lại còn Nga Xô-viết cũng là nước vẫn luôn luôn để mắt đến xứ Irak và theo một vài tờ báo Nhật gần đây thì Nga ký hợp-ước trung lập với Nhật là có thể rằng tay ở mặt Viễn-dông mà chú ý đến miền Cận-dông tiến về phía Irak, A-phu-hân, Iran và biên giới Ấn-độ của Anh.

Giữa Anh, Đức Nga ba cường quốc đều có tham vọng về Cận-dông đó, rồi đây nước nào sẽ kiểm soát được cả miền Irak, Iran, và các mỏ dầu hỏa ở Mossoul?

T. B. C. N.

Các học-sinh lớp dự-bị, số-đang muốn-luyện-tính cho giỏi, nhất là trước khi thi bằng Sơ-Học-Yêu-Lược hay thi vào lớp Trung-đẳng năm thứ nhất, mỗi học-sinh cần phải có cuốn:

SÁCH DẠY TÍNH ĐỒ

của ông giáo NGUYỄN-ĐÌNH-TỤNG

soạn đúng chương-trình và phương-pháp sư-phạm
Tựa của M. Nguyễn-Hoài-Đình Đốc-học Hải-dương.

Sách này có 32 logo: tính, gồm có 565 BÀI TÍNH ĐỒ về toán-phép và phép đo lường từ dễ đến khó. Nhũ từ bài tính mẫu có hình vẽ, lời giảng, bài suy-giải bài giải và trả lời

Sách dạy tính đồ của ông giáo Nguyễn-dinh-Tụng

Soạn rất kỹ, lời hơn cả các sách tính đồ đã xuất bản từ trước, không những chỉ học-sinh mà cả thầy giáo dùng ra bài cho học-trò rất tiện. Mỗi cuốn giá: 0\$45. Bán tại các hiệu sách lớn ở Hanoi, Huế và các tỉnh. Mua tại mỗi cuốn từ 20% gửi lãn hóa giao ngân, viết thư cho:

Hiệu sách Quang-Huy

Đại-lý địa các thư báo quốc-văn và các nhà thuốc,
Số nhà: 25, đường Maréchal Foch - HAIDUONG

Lời phê-bình của báo Đông-Pháp về quyển

Thời thế với văn-chương

CỦA ÔNG SONG-AN HOÀNG-NGỌC-PHÁCH

...trong khi dư luận chính-đảng đang ta-thần về những tiểu-thuyết khiêu-dâm trục-lợi, mà trên các báo đã nói nhiều lần, những sách như quyển «Thời-thế với văn-chương» xuất-bản rất hợp thời. Thật là những tài-liệu quý cho nền quốc-văn, lợi còn nghèo những áng văn có giá-trị chân-chính. Vì những sách này không những xem để thưởng-thức về lời đẹp, ý hay mà còn có thể đem làm mẫu mực trong văn-giới

(Đông-pháp số 4822 ra ngày 9-5-41)

Sách đẹp, giấy hơn 200 trang, giá 0p.80

NHÀ IN CỘNG-LỰC, N° 9 RUE TAKOU HANOI Tel. 962 XUẤT-BAN

Vấn chuyện "ông Lân ba bài"

Ông Bàng-bá-Lân «cột trụ» báo Dân-Bà đạo văn của Tân-Thanh Tạp-Chí và cố cãi rằng không hề biết đến Tân-Thanh tạp-chí.

Chúng tôi xin chụp ảnh số T. T. đó đăng lên đây để độc giả báo Dân-Bà «nhân làm».

Chúng tôi viết:

Ông «ba bài» bài này...

Phen này có lẽ tôi sẽ theo nghề tương tự — tuy xưa nay tôi là một người luôn luôn công kích tương tự. Tôi nói vậy là tôi thấy tôi xem tiền-định rất thạo. Một chứng cứ: Ông Bàng-bá-Lân tức «Lân ba bài» sau khi bị tôi kiểm duyệt có lẽ ra rằng ông đã «án cấp» ý kiến về bà Triệu-Âu của ông Nguyễn-tử-Siêu để viết lại bài «bà Triệu-Âu», ông cải lý được rồi ông kết luận: «Và nên câu chuyện này người ta còn muốn kéo dài ra tới sẽ chỉ trả lời bằng sự im lặng».

Thấy ông nói quá quyết như vậy tôi đã đoán trước một câu: — Ông «Lân ba bài» sẽ còn nói nữa... chưa thôi đâu!

Y như rằng! Kỳ này ông «Lân ba bài» lại nói nữa để làm khổ các độc giả của tờ báo Dân-Bà này! Tôi đoán đúng như phen này vì tôi đã thừa hiểu cái điệu của ông «Lân ba bài» này mỗi lần viết một bài báo là thế nào cũng tìm dịp phỉ báng rằng từ xưa đến nay ông viết được những BA BÀI.

Tôi cần phải kể rõ câu chuyện của ông «Lân ba bài» lại đây để cho các bạn biết rõ sự nghiệp của ông!

Trong một số Trung-Bắc Chủ-Nhật mới đây, ông Văn-Hạc có viết một bài mới về Triệu-Âu. Báo vừa ra thì ông «Lân ba bài» quả quyết rằng Văn-Hạc đã «án cấp» ý kiến của ông. Luôn dịp ông «Lân ba bài» lại khoe rằng ngoài bà «bà Triệu-Âu» ấy ông lại còn viết được hai bài nữa về «Nguyễn-tử-Siêu» và «bà Thanh-Quan». Tất cả chỉ trong một thời gian ba năm giờ.

Cái tên «Lân ba bài» của ông tự do mà ra!

Bị lột mặt nạ, ông «Lân ba bài» cải bừa đi và tưởng cái biết, cái học của mọi người cũng rộng khắp như của ông nên ông «Lân ba bài» nhất quyết rằng bà «Triệu-Âu» là của ông viết. Nhưng chúng tôi đã thừa biết rằng ông «Lân ba bài» đã thường ý kiến của ông Nguyễn-tử-Siêu. Bị «vở vờ» ông «Lân ba bài» càng tức thêm, ông «Lân ba bài» càng có cái rằng ông Nguyễn-tử-Siêu không viết gì về bà Triệu-Âu cả và ông nói:

— Ý gì? Ở đâu? Sự thực, thì ông Siêu không viết bài «bà Triệu-Âu» nào cả mà chỉ viết một cuốn lịch-sử tiểu thuyết nhan đề là «Vua bà Triệu-Âu», trong đó người ta vẫn thấy cái nhảm của muốn đời, nghĩa là «bà Triệu tên là Âu», và dặt ba thước, tức dịch muốn người! (Chứ không viết Âu là một mu mới con mẹ để tỏ lòng kính-hiếu và không viết bà Triệu không hề có vú dài ba thước như trong bài «bà Triệu-Âu» của ông «Lân ba bài» đã viết).

Chúng tôi không muốn cãi lại nhừ — do của ông «Lân ba bài» «cứ» quá, cần gì hiểu là phải! — Và tôi xin trích NGUYỄN VĂN lại đây một đoạn trong bài «bà Triệu-Âu» của ông Nguyễn-tử-Siêu viết đăng trong «Tân-Thanh Tạp-chí» số MỘT ra đời ngày 12 Février 1931. Ông Siêu viết ở trang 56 55:

— Cứ theo sử ta thời từ xưa đến nay đều chép là bà Triệu-Âu. Xét chữ «Âu» nghĩa đến là Mụ, một tiếng làm thường. Như tục ta thường gọi mụ mồi, mụ tôi, mụ hàng, mụ quán, mụ dâm, mụ vú, mụ quấy nước thuê, mụ gánh hàng mướn v.v. «Tiếng «m» đã kinh thường như vậy, mà đem ghép vào với chữ Triệu, có khác gì gọi ngay là «Mụ Triệu»!

Xét cái căn nguyên hai chữ ấy bởi đâu mà ra, thốt chớ là bởi mụ Chử Trăn

chép sử vì họ đối với bà vốn là thê dế hần mới gọi là Bà vưng... Từ giờ về sau ta nên tránh chữ «Âu» là một chữ khinh thường mà gọi Bà là «Vua Bà» cho tỏ lòng tôn kính... Lại trong sử ta có chép: Bà vú dài ba thước. Khi đánh nhau thời thất ra dòng sau lưng... Thế chuyện đó, trong chính sử Tàu không có, mà chỉ thấy chép ở sách Thái-bình hoàn vũ ký. Sách này chép theo lời tiêu-từ-giết rất nhiều chỗ hoang đường, quái-dân, ta thật không nên tin. Và chẳng khi nào mới có 23 tuổi. Chồng chưa có, con cũng không, có lẽ nào một người sử-nữ mà vú lại dài đến như thế. Thật là vô lý!

Tám, chín năm sau ông «Lân ba bài» tưởng mới người đã quên bài «bà Triệu-Âu» của ông Nguyễn-tử-Siêu này nên viết luôn một bài nữa giống hệt như thế và nhận là của mình! Hết người!

Ở trên miệng giềng còn có nhiều điều lạ nữa!

Sự thật là thế đó, thưa các bạn: Ông «Lân ba bài» nghĩ sao và sẽ chỉ cãi ra sao nữa? Nào ai biết!

Trong Trung-Bắc Chủ-Nhật số trước tôi đã bảo ông «Lân ba bài» rằng ông «thường ý kiến» của ông Nguyễn-tử-Siêu nhưng ông cứ việc chối biến đi, chúng tôi sẽ sẵn lòng tin ông! Ông «Lân ba bài» không muốn thế ông viết rằng:

— Truyền «Vua bà Triệu-Âu» của ông Siêu ra đời đã lâu lắm, cách đây đến hơn mười năm...

Và ông lại viết:

— Việc ông sa cang tối, vì khó tra cứu, do độc giả đọc xong thì thời chứ mấy ai chịu khó tìm tới tra xét thực hư làm gì?

Thưa ông «Lân ba bài» đối với ông thì «mười năm» mới là xa lắm rồi!

cũng như ông chờ ông viết được «ba bài» là nhiều lắm rồi! Không, không ở trên cái giềng mà ở dưới đây ông đang ngồi đó còn có nhiều cái lạ nữa mà ông chưa thêm biết hay chưa chịu nghĩ đến. Tôi không hiểu một người như ông «Lân ba bài» có mười năm làm xa sao lại dám viết những chuyện lịch sử về mấy ngàn năm trước? Chư thể đủ tỏ ra rằng ông chỉ quen «thường ý kiến» của người ta chứ không chuyên «mấy năm về trước» thời ông có biết gì đâu? Hèn nào thường bài báo bằng pháp-văn của Cadahy, André Maurois, Henri Bidoz và ông ông đều bỏ rỏ, không cần hiểu! Hiểu chữ Tây làm gì? Vô lý!

Ông «Lân ba bài» thấy bị chúng tôi lột mặt nạ nên kỳ vờ rồi ông nổi nóng, ông nói «bất lịch sự» ông hỏi tôi là «đề hèn, lười cá, bất lương, anh hề hạ lưu, thô tục. Chẳng lẽ tôi thế này mà lại cũng dùng cái giọng lịch-vý ấy để đáp lại ông?

Tôi chỉ cần nói rằng: Dù tôi có thể «đề hèn, lười cá, bất lịch sự, anh hề, hạ lưu, thô tục» như lời ông nói nữa thì ông cũng không gỡ nổi cái tiếng «án cấp ý kiến» của Nguyễn-tử-Siêu như tôi đã bảo tỏ rõ ràng ở trên kia mà ông lại còn có cái cho bằng được nữa!

Thôi đã! Nhiều rồi. Tôi không muốn nói về ông «Lân ba bài» nhiều

quá! Từ giờ tôi sẽ sự đến lúc ông thành ông «Lân mười bài». Mới viết được «ba bài» mà ông đã ngẫu nhiên như thế thì không biết khi ông viết nổi «mười bài» thì ông sẽ ngẫu đến thế nào?

Tuy vậy các bạn đừng sớm lo vội. Như lời ông «Lân ba bài» đã nói thì trên ba năm nay ông mới viết được ba bài thì ít nhất cũng phải bảy tám năm nữa ông mới viết xong mười bài! Nhưng đó sao đến lúc đó — năm 1948 hay 1949 — khi có cũng sẽ sẵn sàng chờ đợi những người hay ngạo sự như ông «Lân ba bài» để làm cho ông ta đỡ quấy các độc giả như bây giờ ông đang quấy rầy các độc giả tờ báo Dân Bà ấy!

Tôi không bị cho các độc giả của tờ báo Dân Bà như thế vì tôi sự đến khi ông «Lân ba bài» thành ông «Lân mười bài» thì cái gì ông cũng nhận suốt là của ông cho mà xem. Đến khi ấy thì nguy lắm và người ta có lẽ phải thốt ra cái câu mà một ông kia đã văng ra khi thấy anh bạn của ông lúc đơn nhà đi cái gì cũng nhận là của mình. Câu ấy này đây:

— Còn cái này nữa có phải của anh không? Phải thì nhận nó mà đem đi xem nào?

TÁI BÚT. — Tờ báo Tân-thanh Tạp-chí số một ra ngày 12 Février 1931 ở trong có bài bà Triệu-Âu của ông Nguyễn-tử-Siêu viết — như tôi đã trích lại ở

trên kia — hiện ở tay tôi, ông «Lân ba bài» hay một độc giả nào muốn xem xin lại hỏi ở tôi tại đây báo T. B. C. N.

TÙNG-HIỆP

IN SAU CÙNG

Lúc báo lên khuôn, chúng tôi mới nghĩ ra rằng ông «Lân ba bài» viết bài vừa rồi là bốn bài đáng lẽ phải gọi là «Lân bốn bài» mới phải nhưng đã thành bài rồi xin cho gọi là «Lân ba bài» cho quen, cũng như trong số quá khứ, chúng tôi đã đăng toàn chữ quái thai cái, không phân biệt với quái vật, quái nhân.

Lại được tin đích xác rằng nay mai ông «Lân ba bài» sẽ viết thêm một bài nữa là bài thứ năm. Bài ấy sẽ kh ng công kích Tùng-Hiệp. Nhưng ông «Lân ba bài» sẽ công kích Nguyễn-tử-Siêu vì ông «Lân ba bài» nhất định rằng Nguyễn-tử-Siêu án cấp vào ông. Xin nói lại một lần nữa rằng ông Nguyễn-tử-Siêu viết bài Triệu-Âu từ năm 1931, mà ông «Lân ba bài» thì viết từ... 1940! Chưa biết chừng ông «Lân ba bài» sẽ đi kiện ông Nguyễn-tử-Siêu là bằng pháp.

Được tin gì nữa, chúng tôi sẽ đăng thêm.

T. B. C. N.
(T.B.C.N. số 59)

Tức thì ông «Lân ba bài» cải trá như thề này:

Cái vu-vơ mãi không đầu vào đầu, lần này ông nghĩ ra một mẹo là dùng đến những con số, mong độc giả tưởng ông rõ ràng hơn và sẵn lòng tin ông. Thực là cao kiến làm vậy! Tôi cũng sẵn lòng tin ông, có lòng tin mong được xem cái đoạn «nguyên văn» bài «bà Triệu» mà ông đã trích ở «trang 35» của một tờ báo có cái tên là «Tân-thanh số một, 1931». Nhưng phỉ công vô ích! Mai sau mới có một bạn cho, biết rằng báo ấy ra đời đầu được vài số và chỉ ăn em kiếm chữ-bút là một ông chuyên chế hoàn toàn chứ anh! Hồi đến cái đoạn «nguyên văn» kia thì bạn lại cần không biết! Tôi thấy một tờ báo có giá trị như thế mà lại không được biết đến. Có lẽ vì thế nên tôi được thấy rõ cái ông nói ra làm «thứ dụ» để cho tôi được thấy rõ cái «thiên-học» của mình, chứ không chỉ thấy một người nhiều «mánh khéo nhà nghề» như ông thiếu gì!

Tôi xin cảm ơn ông, và để đáp lại cái thăm-vý ấy, tôi muốn nói nhỏ với ông câu này:

«Một người đã lên tiếng bảo bỗ chữ «Âu» và truyền «vú dài ba thước» không khi nào lại còn viết ra một cuốn lịch-

sử tiểu-thuyết — như ta đã biết — với cái nhan đề «Vua bà Triệu-Âu»! Thật là trái ngược khổ hèn!

Chỉ một câu ngắn ấy cũng đủ rõ ràng đến rồi, phải không ông Hiệp? Và ông đã rõ khổ, quên mất cái «mánh khéo nhà nghề» để đi vạch số cho người xem lưng!

Ông muốn tỏ ra điều biết rộng bằng cách nhắc lại vài cái tên Jules Romains, Cudahy, Maurois và Bidoz mà có lẽ ông chỉ được nghe biết cái tên! Đến nỗi quen rằng học của ông được là bao nhiêu tôi lại không biết hay sao! Á quên xin tôi ông tôi không nghĩ ra! Ông có định lờ tôi đầu, ông lẽ độc giả tờ báo của ông đẩy chữ!

Nhưng đó sao, tôi tưởng cũng nên mượn lời cô-nhân mà khuyên nhỏ ông rằng:

«Hỡi anh hàng giầy! Anh chờ đi lên trên giầy đi!»

Và rất tiếc đã phải «bàn luận» quá nhiều với một người như ông!

BÀNG-BÁ-LÂN
Báo ĐÀN-BÀ ngày 16-5-41

NHẤT BẢN VẬN LỢI, BỞI MỘT ĐỒNG MUA VÀ XỬ SỬ ĐỒNG PHÁP MAY THÀNH NHÀ TƯ-BẢN LỚN

Một phương-pháp dạy chữ Nho

của cụ Phó-bàng BÙI-KỶ (nguyên giáo-sư trường đại-học Đông-dương)

32

Lời bá cáo cùng độc giả ở các tỉnh Nam-kỳ và miền Nam Trung-kỳ

Từ hồi nào đến giờ chúng tôi chẳng hề có phải một vị cố động viên nào đi các nơi động viên hay cố động cho T.B.C.N cả, trừ phi ra có M. Võ-văn-Rớt (Cần-thơ) có giấy ký quyền riêng và carte của nhà báo cấp cho. Nhưng hôm nay rồi chúng tôi vừa đăng tin của ông Phan-ngọc Diệp ở Phú-lâm (Tân-châu) bị quân gian vào gặt lấy 73. Vậy nên chúng tôi xin các bạn đọc quen xa gần chớ nên trả tiền cho ai ngoài M. Võ-văn-Rớt ra. Để cho dễ làm việc, mỗi lần M. Võ-văn-Rớt đến thăm qui ngài, thì ông cũng trình giấy tờ đáng hoàng cho qui ông xem.

Có mấy lời thành thật để qui ngài hay.

VÕ-VĂN RỚT

và ty quản lý T.B.C.N

PHÒNG TÍCH

CON CHIM

Khi đầy họ, khi tức ngực, chán cơm, không biết đại, ăn chậm tiêu, bụng vô biếng bực khi ăn uống rồi thì hay ợ, ợ (ợ hay ợ chua). Thường khi tức bụng khó chịu, khi đau lưng, đau ran trên vai. Người thường ngao ngán và mỗi một tuần ba lần tay, bị lâu năm, sắc da vàng, da bụng đầy. Có nhiều chứng không thể viết chỉ 1-lưu thấy dễ chịu hoặc khỏi ngay.

Liều một lần uống 0.325.

Liều hai lần uống 0.345.

VỎ ĐÌNH TÂN

Ấn tứ kim niên năm 1926
770 M. Lechtray, Haiphong

Phân phát hành tại Hà Nội An-Hà 13 Hàng Mã (Cần-thơ) Hanoi. Phân phát hành khắp Đông-Dương, Nam-Tân 100 phố Hanoi và khắp các địa phương Nam, Bắc-kỳ, Cao-mên và Lào và trên các báo in.

tin trong làng văn

Được tin bạn Lê-như-Ngọc đã bằng lòng để tác phẩm của mình cho một văn đoàn n ra cuối riêng một văn đoàn ấy được in thôi.

Các bạn đã đọc những tác phẩm của Khái-Hưng, Nhứt-Linh, Nhị-Linh, Tư-Lý, Lê-van-Trương sẽ có dịp được so sánh tài nghệ của bạn Lê-như-Ngọc với mấy nhà văn trên.

THUỐC LÃO ĐÔNG LINH

藥牢東嶺

Thuốc Lão Đông Linh
Đầu phố Cầu Nam
Giống như, khi ai
Thuốc ngon, giá rẻ
Đông hào hảo hữ
Chấn cổ mua giảm

6 ống thuốc Lão Đông Linh số 236 cuối hàng Đông, đầu Cầu Nam có bán ở các nhà thuốc là rất thường dùng nữa

SÁCH MỚI

trắc trở

BẶC PHẨM CỦA PHƯƠNG CHÂU

Một công trình trọn vẹn chương. Gồm 24 bộ văn lý ai tình thú thuyết viết một nghìn tám trăm. Cuốn sách thứ 24 trong "TỦ SÁCH QUÝ". Sách in toàn chữ nhỏ 130 trang hiệu chữ gấp đôi, những sách thường. Bìa 1. Trơn giấy, vẽ sơn. Giá đặc biệt \$50 (sách in có hạn)

hai lần thất vọng

của BUI-H-SI-H

bìa hai màu, giá 0.20

Còn rất ít:

DÌ VẮNG

tác phẩm đầu tiên của thi sĩ

HỒ DZÉNH - giá 0.30

ĐƯA CON HƯ CỦA HAI

THỜI ĐẠI

của TÀ HỒU THIÊN

một chuyện tâm tình của những người xấu số, in rất công phu giá 0.40

và hơn 30 thứ tiểu thuyết đủ các loại viết từ lấy catalogue gọi

À CHÂU LỤC

Directeur: NGUYỄN-BÁ-DÌNH

17 rue Emile Nolly, Hanoi

Imprimerie TRUNG-BAC TAN-VAN

Certifié par le Sengerton

Tirage à 10 exemplaires

L'administrateur général: Ng. đoàn-VƯƠNG

ĐÃ IN XONG:

ĐƯA CON CỦA TÔI ẮC

một truyện thực đã xảy ra ở miền Nam-giang xứ Nam-kỳ

Đọc Đưa con của tôi Ắc, các bạn sẽ rõ cái kết quả của nó, và thuốc phiện đã đưa người ta đến đâu - Mỗi cuốn giá 0.35 - Mua lĩnh-hóa giá ngân hết 0.71. Ở xa mua xin gởi 0.81 (cả cước) cho

MUA MAU KÉO ĐẾN LÚC MUỐN MUA KHỜNG CÓ:

TIỀN SẮM BẠCH - VÂN

tức là nói về đời ông Trọng Trình Nguyễn-bình-Khiêm

sách gầy ngọt 400 trang - Mỗi cuốn giá 1.300 - Mua lĩnh-hóa giá ngân hết 1.44 - Ở xa mua xin gởi 1.54 (cả cước) bằng timbres poste cũng được cho.

NHÀ IN MẠI - LINH - 21 PHỐ HÀNG ĐIỀU - HANOI - GIẤY NỔI 648

N.B. - Mua lĩnh-hóa giá ngân hết 2 cuốn một lúc hết 1.383. Gửi tiền trước mua 2 cuốn một lúc hết 1.383 (cả cước)

Tháng tư đông đổ nấu chè.

Ấn tết đoàn-ngô trở về tháng năm!

Có lẽ trong hai tháng này là dễ mắc bệnh đau bụng đi rửa

TẾ-CHÚNG-THỦY ĐẠI-QUANG

là một thứ thuốc trị khỏi bệnh đau bụng đi rửa rất hay; chứng bệnh thiên thời dịch tả uống thuốc này công-hiệu lắm. Mỗi lọ giá 0.10, có mua xin nhận kỹ nhãn con BROM-BROM chữ hiệu Đại-Quang, số 23, phố Hàng Ngang, Hanoi mới phải là thuốc chính hiệu

VẠN TOÀN

Bổ Thận

Mỗi hộp 1500

Chuyên trị Thận hư, hay đau lưng, mỏi sức, nhập phòng không mạnh

Kiểm duyệt bỏ

vàng đầu, lóc mắt, ù tai, tiêu tiện không trong, đại tiện hay táo, sau khi bị bệnh tình, thận bại đi

Tại Saigon đã có bán...

Nếu đến thuốc chữa các bệnh trẻ con thì ai cũng công nhận: chỉ có nhà thuốc Thanh-Xa Hanoi là có tài độc nhất vô nhị, ngoài ra còn có thuốc chữa bệnh người nhớn rất thần hiệu như:

THUỐC SÁN SƠ MỊT

Mắc bệnh sán đi ngoài thường theo ra con trùng như sán sơ mịt, nếu để lâu ngày, sinh chứng đau sôi hay sinh sươn mà bỏ mạng. Uống thuốc này cam đoan ai giờ ra hết sán khỏi hẳn. Giá 0.90.

THUỐC DUN (sáng)

Mắc bệnh đùn đùn hoặc đùn kim uống thuốc này buổi sáng buổi chiều ra hết đùn không phải tẩy, người nhớn hay trẻ em dùng đều được cả giá 0.20

NHÀ THUỐC THANH-XA

Số nhà 73, góc phố hàng Thiệu và hàng Kón - Hanoi cửa treo cờ vàng, khắp các tỉnh có đại-lý, xem báo Tân Mới. Đại lý tại Saigon: Hiệu Văn Hưng 14 Aviation. Đại lý tại Saigon: Hiệu Văn Hưng 14 Aviation. Đại lý tại Saigon: Hiệu Văn Hưng 14 Aviation. Đại lý tại Saigon: Hiệu Văn Hưng 14 Aviation.

CẦN THÊM NHIỀU ĐẠI-LÝ TẠI NAM-KỲ

MUON CHO EM TRẺ MẠNH KHỎE VÀ VUI VẺ, NÊN DÙNG TIỀN NH

CAM-TÍCH-TÂN

Của nhà thuốc Nhị-Thiên-Đường, là một thứ thuốc chuyên trị em trẻ bệnh cam tích, như là mặt xanh da vàng, bụng nổi gân xanh, yếu đuối thường đau, có đùn hay khóc, v.v., là hay hơn hết, không có thứ thuốc nào sánh bằng.

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

ĐẠI-DƯỢC-PHÒNG

76, Phố Hàng Bưởi, HANOI - Điện thoại số 849

Giá bán mỗi gói: 0.10